

**Tài liệu nghiên cứu:**

# **NHẬN XÉT VỀ CÁC LUẬN CỨ CỦA CÁC CHÍNH PHỦ TRUNG-QUỐC ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN TRÊN HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG-SA VÀ TRƯỜNG-SA**

**Tạ-quốc-Tuấn \* \* \* \* \***

LTS.Trong số báo số 49 vừa qua cũ bài của luật gia Vũ-hữu-San, trong dĩ cũ nĩ đến Tập san Sử Địa số 29 ĐẶC KHẢO VỀ HỒNG SA VÀ TRƯỜNG SA, và cũ kể đến tên ten một người viết bài là "Quốc-Tuấn", tức luật gia Tạ Quốc Tuấn hiện trong Ban Biên Tập của Luật pháp và Đời sống.Chúng tôi cũ đề nghị Luật gia Tạ Quốc Tuấn soạn lại bài viết về Hạng Sa và TRường Sa của ong đã ấn hành trước đây với nhiều bỗ kuyết. Vì theo tác giả, bài viết cũ của ong đăng tải lúc dĩ chẵn những Đac san nay đăng thiếu và cũn nhiều sai lầm (vi tình hình ở Saigon vào đầu năm 1975, lúc số báo này được phát hành). Sau dĩ, khi ong chủ nhà sách Khai tri sang Mỹ cũ cho in lại, nhưng không liên lạc với tác giả nên vẫn cho in thiếu và in sai. Sau dĩ tác giả đã sửa chữa những chỗ in sai, bỗ túc thiếu sĩt và cho in trong tạp chí DI TOI ở Canada, trong sách NAM QUOC SON HA NAM DE CU ở Houston, trong tuan bao NGUOI VIET DALLAS ở Dallas, v.v.. Nay theo yêu cầu của Tĩa Soạn tác giả cũ hiệu định và cho đăng tải trên Luật pháp & Đời sống. Vì bài khá dài nên chúng tôi sẽ gửi đến độ cgiả tài liệu quý hiếm này trong những kỳ báo liên tiếp.

- \* \* \* \* \*
- \* \* \* \* \*

Cuộc tranh chấp về chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa đã kéo dài hơn nửa thế kỷ rồi. Ngoại trừ trận đụng độ lớn giữa hải quân Việt-nam Cộng-hòa và hải quân Nhân-dân Cộng-hòa Trung-hoa (Trung-Cộng) tại quần đảo Hoàng-sa ngày 19 và 20 tháng 1 năm 1974, trong đó Trung-Cộng, với một lực lượng lớn hơn lại không bị phân tán cũng như suy yếu vì nội chiến như Việt-nam Cộng-hòa, nên cũ cưỡng chiếm được quần đảo này, và một trận nổ súng nhỏ ngày 14.3.1988 tại vùng quần đảo Trường-sa giữa hải quân của hai nước cùng là cộng sản là Việt-nam và Trung-hoa, phần nhiều sự tranh chấp đều diễn ra dưới hình thức tranh biện qua các lời tuyên bố, thông cáo, văn thư, bạch thư của các chính phủ Việt-nam và Trung-hoa thuộc cả hai phe quốc gia và cộng sản. Ngoài ra, cũn có nhiều bài báo, biên khảo hay sách viết về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa của một số học giả, nhà văn, nhà báo hai bên nữa.

Để biện minh hành động xâm lăng của mình năm 1974, trái với tinh thần của bản Hiến chương Liên-hiệp-quốc mà Trung-Cộng từ khi gia nhập vào tháng 10 năm 1971 cũ cam kết tôn trọng và bảo vệ, Trung-Cộng cũ nại cũ hai quần đảo Hoàng-sa (hay là Tây-sa trong từ ngữ Trung-hoa) và Trường-sa (Trung-hoa gọi là Nam-sa) vốn từ lâu là một phần lãnh thổ của Trung-quốc nhưng cũ bị Nhật-bản xãm chiếm trong trận Thế Chiến thứ II và cũ được chính phủ Trung-hoa Dân-quốc thu hồi lại năm 1946 sau khi trận chiến này

chấm dứt. Trung-hoa Dân-quốc cũng đã phụ họa sự biện minh này. Các luận cứ của Trung-Cộng còn được nhiều tài liệu ngoại quốc nhắc đi nhắc lại.

Trong bài này chúng tôi sẽ đưa ra những nhận xét về các luận cứ của các giới trong chính phủ Trung-hoa, quốc gia lẫn cộng sản, đã cố gắng chứng minh chủ quyền của Trung-quốc trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa. Tuy các phe tranh chấp gồm có Việt-nam (trước là Việt-nam Cộng-hòa, sau là Cộng-hòa Xã-hội Chủ-nghĩa Việt-nam), Trung-quốc (cả Trung-hoa Dân-quốc lẫn Trung-hoa Nhân-dân Cộng-hòa quốc), Phi-luật-tân, và gần đây lại còn thêm cả Mã-lai-á, Brunei, v.v., nhưng hai phe tranh chấp chính là Việt-nam và Trung-hoa. Chúng tôi không nghiên cứu luận cứ của Việt-nam vì nhiều người đã làm việc này rồi. Trái lại, chúng tôi chỉ cứu xét luận cứ của Trung-quốc thôi, vì ngoài lý do Trung-quốc là một trong hai phe tranh chấp chính ra mà còn vì lý do là Trung-quốc, dù là quốc gia hay cộng sản, vẫn có một ảnh hưởng và một thế lực quan trọng tại Đông-nam Á-châu.

Mặt khác, chúng tôi cũng giới hạn thời gian nghiên cứu vào từ sau trận Thế Chiến thứ II trở lại đây thôi, không đề cập tới thời gian trước đó. Chỉ từ khi vấn đề Hoàng-sa và Trường-sa được đề cập tới trong một hiệp ước quốc tế, Hòa Ước Cựu-kim-sơn ký ngày 8 tháng 9 năm 1951, nhất là từ khi người ta tìm thấy có nhiều túi dầu rất quan trọng ở trong vùng này, sự tranh chấp chủ quyền mới trở nên ngày một mạnh. Thêm vào đó là biến cố Đảng Cộng-sản Trung-quốc nắm chính quyền ở Hoa-lục ngày 1.10.1949, đã làm sôi động chính trường quốc tế, nhất là ở vùng Đông-Á và Đông-nam Á-châu, từ thập niên 1950 trở đi.

Sau hết, bài này chỉ cứu xét các luận cứ chính thức của cả hai chính phủ cộng sản ở Hoa-lục và quốc gia ở Đài-loan thôi.

Các tài liệu chúng tôi sử dụng trong bài này nếu là của chính phủ đều phát xuất từ Bắc-kinh hay Đài-bắc. Nếu có nguyên bản Hoa văn thì chúng tôi dùng làm tài liệu chính; nếu không, chúng tôi dùng bản dịch Anh ngữ cũng của hai chính phủ đó và cũng coi là tài liệu chính. Trong trường hợp không có hai loại tài liệu này, chúng tôi căn cứ vào bản dịch Anh ngữ của nhiều nguồn khác, nhất là của Tòa Tổng Lãnh-sự Hoa-kỳ tại Hương-cảng (như các nhà nghiên cứu các vấn đề ở Hoa-lục đã dùng trước năm 1971) hay của các đài phát thanh Hoa-kỳ, Anh-quốc, v.v.

Vì sử dụng các tài liệu thuộc nhiều loại khác nhau như vậy nên không thể có sự đồng nhất trong việc ghi chép các địa danh và đặc biệt là nhân danh Trung-hoa. Chúng tôi cố gắng ghi các từ đó bằng Việt ngữ. Tuy nhiên khi không biết rõ một từ viết bằng Hoa ngữ như thế nào, chúng tôi sẽ không ghi bằng Việt ngữ vì sợ có thể ghi sai và bắt buộc giữ lại lối ghi âm thấy trong tài liệu mà chúng tôi dùng. Lối ghi âm này có khi là bằng phương pháp phanh âm (pinyin) được dùng ở Hoa-lục hay trong các tài liệu của các nhân vật hay cơ quan ngoại quốc biên soạn từ thập niên 1980 trở đi, hoặc bằng phương pháp Wade-Giles hiện vẫn được dùng trong phần lớn các tài liệu phát xuất từ Đài-loan hoặc của các tác giả thuộc phe Trung-hoa Dân-quốc cũng như trong các tài liệu ngoại quốc trước thập niên 1980.

Ngoài ra, có một số danh từ hay địa danh mà người Trung-quốc dùng khác người Việt-nam. Trong tài liệu này, khi đứng về phương diện Trung-quốc, chúng tôi sẽ dùng các từ theo lối của người Trung-hoa, còn khi đứng về phương diện Việt-nam chúng tôi dùng các từ theo người Việt-nam. Thí dụ người Trung-quốc nói Tây-sa, Nam-sa, Nam-hải (hay Nam Trung-quốc-hải), Quốc-vụ viện (Trung-Cộng), Hành-chính viện (Đài-loan),

v.v., còn người Việt-nam lại nói Hoàng-sa, Trường-sa, Đông-hải (hay biển Đông), Chính phủ...

Luận cứ của các chính phủ Trung-hoa Dân-quốc (trong bài này gọi tắt là chính phủ Đài-loan) và Trung-hoa Nhân-dân Cộng-hòa quốc (tức Trung-Cộng) thường được phát biểu những khi có một biến cố hay sự việc nào có liên quan tới vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

## **I. PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI LỜI TUYÊN BỐ CỦA TỔNG THỐNG PHI-LUẬT-TÂN QUIRINO (1951)**

Năm 1945 Nhật-bản bị các nước Đồng minh đánh bại ở Thái-bình-dương và phải đầu hàng. Một trong những việc nước này phải làm khi đầu hàng là từ bỏ các đất đai ở ngoại quốc mà Nhật-bản đã chiếm được trong thời kỳ toàn thịnh của chế độ quân phiệt, trong đó có hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa. Bốn năm sau, Đảng Cộng-sản Trung-quốc chiếm được toàn thể Hoa-lục và Trung-hoa Nhân-dân Cộng Hòa quốc ra chào đời ngày 1.10.1949, còn chính phủ Trung-hoa Dân-quốc phải chạy nạn sang Đài-loan. Với hai biến cố trọng đại này vấn đề tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa bắt đầu bước vào giai đoạn mới.

Lần đầu tiên Trung-Cộng chính thức lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo này là khi trong một cuộc họp báo ở Manila, thủ đô nước Phi-luật-tân, ngày 17.5.1951, Tổng thống Phi-luật-tân Elpidio Quirino đã tuyên bố là vì quần đảo Trường-sa ở kề cận quần đảo Phi-luật-tân nên nó phải thuộc về Phi-luật-tân. Hai ngày sau, ngày 19 tháng 5, Bắc-kinh đã có phản ứng. Chính phủ Trung-Cộng đã ra một tuyên bố nói rằng:

"Lời tuyên truyền vô lý của Chính phủ Phi-luật-tân đối với lãnh thổ của Trung-quốc rõ ràng là sản phẩm chỉ thị của Chính phủ Hoa-kỳ. Bọn khiêu khích Phi-luật-tân và những kẻ Hoa-kỳ ủng hộ chúng phải bỏ ngay mưu đồ mạo hiểm đó đi, nếu không thì hành động này có thể đưa tới những hậu quả nghiêm trọng. Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung-hoa không bao giờ để cho bất cứ một ngoại bang nào xâm lược quần đảo Nam-sa hay bất cứ đất đai nào khác thuộc về Trung-quốc."

Tuy nhiên Trung-Cộng chỉ nói qua loa như vậy thôi chứ không đưa ra một bằng chứng nào, dù là bằng chứng lịch sử hay bằng chứng pháp lý, cho thấy Trường-sa thuộc quyền Trung-quốc làm chủ. Sự thiếu sót này kéo dài cho tới hiện tại.

## **II. DỊP CÓ HÒA HỘI CỤU-KIM-SƠN (1951)**

Đến đầu tháng 9 năm 1951, theo lời mời của Chính phủ Hoa-kỳ, 51 quốc gia trước kia đã từng tham gia hay có liên hệ tới cuộc chiến chống xâm lăng Nhật-bản từ năm 1939 đến năm 1945 đã tham dự Hội Nghị Hoà Bình nhóm họp ở Cựu-kim-Sơn (San Francisco), một thành phố thuộc tiểu bang California (Hoa-kỳ), để thảo luận vấn đề chấm dứt tình trạng chiến tranh và tái lập bang giao với Nhật-bản. Điểm đáng chú ý là cả hai phe quốc gia và cộng sản Trung-hoa đều không được mời tham dự hội nghị. Trong hội nghị, vấn đề chính là thảo luận bản dự thảo hòa ước do hai nước Anh và Hoa-kỳ đồng tác giả đề nghị ngày 12.7.1951. Ngày 8.9.1951, ngoại trừ Liên-sô và một số nước Cộng sản đàn em, các nước tham dự hội nghị đã ký hòa ước với Nhật-bản.

Vì thấy mình bị Hoa-kỳ gạt ra ngoài hoà hội, các nhà lãnh đạo Bắc-kinh, ngay từ cuối năm 1950, đã có phản ứng. Họ một mặt ra một số tuyên bố chính thức, và mặt khác cho phép đăng các bài báo để lên án việc không mời Trung-Cộng tham dự hòa hội và để trình bày quan điểm của Bắc-kinh về một số vấn đề cần phải được thảo luận, trong đó có vấn đề chủ quyền trên quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Vì giới hạn của đề tài, ở đây chúng ta chỉ xét tới các luận cứ của chính phủ Trung-Cộng đối với vấn đề chủ quyền này thôi.

Ngày 4.12.1950 Châu Ân-lai, lúc đó là Bộ trưởng Ngoại giao, trong bản tuyên bố đầu tiên của chế độ, đã nêu ra căn bản chính để ký một hoà ước với Nhật-bản:

"Bản Tuyên cáo Cairo, Thỏa ước Yalta, bản Tuyên ngôn Potsdam và các chính sách căn bản đối với Nhật-bản sau khi nước này đầu hàng đã được các quốc gia trong Ủy hội Viễn đông thỏa thuận và thông qua ngày 19.6.1947 -- các văn kiện quốc tế mà Chính phủ Hoa-kỳ đã ký kết là căn bản chính cho một hoà ước liên hợp với Nhật-bản."

Châu Ân-lai còn nói thêm là:

"Nhân dân Trung-quốc rất ước muốn sớm có một hoà ước liên hợp với Nhật-bản cùng với các quốc gia đồng minh khác trong thời kỳ Thế Chiến thứ hai. Tuy nhiên, căn bản của hoà ước phải hoàn toàn thích hợp với bản Tuyên cáo Cairo, Thỏa ước Yalta, bản Tuyên ngôn Potsdam và các chính sách căn bản đối với Nhật-bản sau khi nước này đầu hàng được qui định trong các văn kiện này."

Tuy bản tuyên bố trên của Trung-Cộng không đề cập đến vấn đề chủ quyền đối với Hoàng-sa và Trường-sa mà chỉ đề cập tới các vấn đề khác, nhưng vì nó đã nêu ra quan điểm chính yếu của Bắc-kinh nên chúng ta cần phải nghiên cứu kỹ nó cùng với bản tuyên bố ngày 15.8.1951 là tuyên bố chính thức của Bắc-kinh về vấn đề chủ quyền trên hai quần-đảo Hoàng-sa và Trường-sa để tìm hiểu giá trị các luận cứ của Trung-Cộng.

Thực vậy, khi nghiên cứu bản dự thảo Hoà ước Cựu-kim-sơn của Anh-Mỹ gửi cho các quốc gia được mời tham dự hoà hội, Chính phủ Trung-Cộng thấy điều 2 của bản dự thảo này không qui định là hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa mà Nhật-bản từ bỏ phải được trao cho quốc gia nào. Do đó, ngày 15.8.1951, sau khi đề cập tới quan điểm của Bắc-kinh về từng vấn đề một được nêu trong bản dự thảo, Châu Ân-lai đã tuyên-bố:

"...Dự thảo Hiệp ước qui định là Nhật-bản sẽ từ bỏ mọi quyền đối với đảo Nam-uy (đảo Spratly) và quần đảo Tây-sa (quần đảo Paracel), nhưng lại cố ý không đề cập tới vấn đề tái lập chủ quyền trên hai quần đảo này. Thực ra, cũng như các quần đảo Nam-sa, quần đảo Trung-sa và quần đảo Đông-sa, quần đảo Tây-sa (quần đảo Paracel) và đảo Nam-uy (đảo Spratly) bao giờ cũng là lãnh thổ Trung-quốc. Dù các đảo này đã có lúc bị Nhật-bản chiếm đóng trong một thời gian trong trận chiến tranh xâm lăng do đế quốc Nhật-bản gây ra, sau khi Nhật-bản đầu hàng Chính phủ Trung-quốc đã thu hồi những đảo này.

"Do đó Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa tuyên bố: dù Dự thảo Hiệp ước Anh-Mỹ có mang các điều khoản về vấn đề này hay không và dù các điều khoản này có được soạn thảo như thế nào, chủ quyền bất khả xâm phạm của nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa trên đảo Nam-uy (đảo Spratly) và quần đảo Tây-sa (quần đảo Paracel) sẽ không vì thế mà bị ảnh hưởng."

Châu Ân-lai sau đó kết luận vấn đề này bằng cách phủ nhận giá trị bất cứ một thỏa ước nào ký với Nhật-bản mà không có sự tham dự của Bắc-kinh:

"Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa một lần nữa tuyên bố: Nếu không có sự tham dự của nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa trong việc chuẩn bị, soạn thảo và ký hòa ước với Nhật-bản dù nội dung và kết quả một hiệp ước như vậy có như thế nào, Chính phủ Nhân dân Trung ương cũng coi hòa ước ấy hoàn toàn bất hợp pháp, và vì vậy sẽ vô hiệu."

Tuy lời kết luận này nhằm chung toàn thể hòa ước với Nhật-bản, nó cũng bao trùm luôn cả vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa. Ngoài ra, trong bản tuyên bố này chúng ta nhận thấy có những điểm đáng chú ý sau:

Thứ nhất, tuy tuyên bố là đảo Nam-uy và quần đảo Hoàng-sa lúc nào cũng là lãnh thổ của Trung-quốc, Châu Ân-lai lại không nêu ra một chi tiết nào để chứng minh chủ quyền của Trung-quốc đối với các đảo này.

Đành rằng trong một bản tuyên bố chính thức của chính phủ không thể nào kể hết mọi chi tiết hay dẫn chứng, nhưng ít nhất nó cũng phải nêu ra một vài thí dụ cụ thể để hỗ trợ lời tuyên bố và để giúp người ngoại cuộc có thể hiểu rõ một cách khách quan hơn những điều được trình bày trong bản tuyên bố. Làm thế nào người ngoại cuộc có thể thông cảm và ủng hộ lời tuyên bố nếu nó không mang một chi tiết nào, dù là nhỏ nhất, để giúp người ngoại cuộc có thể kiểm chứng tính cách xác thực và chân chính của lời tuyên bố? Nếu tuyên bố chỉ là để tuyên bố thì lời tuyên bố rất yếu. Chúng ta cũng nên biết rằng trong bản tuyên bố này khi đề cập đến các vấn đề khác họ Châu đã nêu nhiều chi tiết để chứng minh hay biện hộ.

Vì vậy sự không dẫn chứng của Châu Ân-lai đối với vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa thật đáng cho chúng ta phải ngạc nhiên và khiến chúng ta phải tự hỏi phải chăng vì biết Trung-Cộng quả không có một căn bản nào vững vàng, về pháp lý cũng như về lịch sử, để chứng minh chủ quyền này nên Châu Ân-lai đã phải bỏ không viện dẫn chứng cứ?

Thứ hai, bản tuyên bố này, cũng như các bản tuyên bố khác Trung-Cộng công bố sau này, và cả các bản tuyên bố của Đài-loan, đã đề cập tới việc Chính phủ Trung-quốc thu hồi hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa sau khi Nhật-bản đầu hàng tháng 8 năm 1945.

Một câu hỏi cần được đặt ra: việc Chính phủ Trung-quốc, khi đó là Trung-hoa Dân-quốc, thu hồi hai quần đảo này có phải là một hành vi hợp pháp không?

Chúng ta biết rằng năm 1938, trước khi xảy ra trận Thế Chiến thứ II, Nhật-bản đã chiếm Lâm-đảo thuộc quần đảo Hoàng-sa, nói là để khai thác thương mại nhưng thực ra chính là để lập căn cứ chiến lược làm bàn đạp tấn công vùng Đông-nam Á. Theo R. Serene, "Năm 1938 Nhật-bản mượn cớ khai thác thương mại đã chiếm Lâm-đảo để bành trướng sự kiểm soát tới các đảo Cam-tuyền và Linh-côn..."(1). Rồi đến ngày 31.3.1939, Bộ Ngoại giao Nhật-bản ra một thông cáo là trước đó một ngày Nhật-bản đã quyết định đặt quần đảo Trường-sa dưới quyền kiểm soát của Nhật-bản vì lý do tại đây đã thiếu một chính quyền hành chính địa phương nên đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Nhật-bản. Trong suốt thời gian của trận Thế Chiến thứ II, Nhật-bản đã đóng quân trên hai quần đảo này cho tới khi đầu hàng quân đội Đồng minh.

Vào cuối năm 1943, trong lúc chiến tranh đang ở mức độ ác liệt nhất thì các nhà lãnh đạo tối cao của Hoa-kỳ, Anh và Trung-hoa Dân-quốc đã bí mật gặp nhau tại Cairo, kinh đô nước Ai-cập, từ 23 đến 27 tháng 11 để thảo luận các chiến lược tiêu diệt phe

Trục (Đức-Ý-Nhật). Ngày 26, Tổng thống Hoa-kỳ Franklin D.Roosevelt, Thủ tướng Anh Winston Churchill và Tổng thống Trung-hoa Dân-quốc Tưởng Giới-thạch đã ký một bản tuyên cáo chung (thường được gọi là Tuyên Cáo Cairo) trong đó có một đoạn như sau:

"Đối tượng của các nước này [tức là của ba nước Đồng minh] là phải tước bỏ quyền của Nhật-bản trên tất cả các đảo ở Thái-bình-dương mà nước này đã cưỡng đoạt hay chiếm đóng từ khi có trận Thế Chiến thứ I năm 1914 và tất cả các lãnh thổ Nhật-bản đã cướp của người Trung-hoa, như là Mãn-châu, Đài-loan và Bành-hồ, phải được hoàn trả Trung-hoa Dân-quốc. Nhật-bản cũng sẽ phải bị trục xuất khỏi các lãnh thổ khác đã chiếm được bằng võ lực và lòng tham."

Đọc đoạn trích dẫn trên chúng ta thấy Tuyên Cáo Cairo có hai qui định quan trọng. Thứ nhất, chỉ có các đất Mãn-châu, Đài-loan và Bành-hồ được qui hoàn cho cho Trung-quốc thôi. Thứ hai, còn các lãnh thổ khác mà Nhật-bản chiếm được thì bản tuyên cáo này chỉ qui định việc trục xuất Nhật-bản, chứ không hề nói tới việc qui hoàn chúng cho Trung-quốc. Điều đáng tiếc, và đó cũng là nguyên nhân gây ra những vụ tranh chấp về chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa sau này, là Tuyên Cáo Cairo đã không nói các lãnh thổ khác ấy phải được qui hoàn cho nước nào.

Quyết định của Tuyên Cáo Cairo đã được Tổng Thư ký đảng Cộng sản Liên-sô Joseph Stalin tán thành. Trong một bữa ăn trưa công tác giữa ông, Tổng thống Roosevelt và Thủ tướng Churchill tại Tòa Đại sứ Liên-sô ở Tehran (Ba-tur) ngày 30.11.1943, khi Churchill hỏi ông đã đọc bản Tuyên Cáo Cairo chưa thì Stalin cho biết ông đã đọc rồi và còn nói thêm là mặc dù ông không thể cam kết điều gì, ông hoàn toàn tán thành bản tuyên cáo và tất cả những điều nói trong đó. Ông cho hay việc hoàn Mãn-châu, Đài-loan và Bành-hồ lại cho Trung-quốc là phải. Ngoài ra, Stalin hoàn toàn không hề nói gì đến hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Một năm rưỡi sau, quyết định của tam cường tại Hội nghị Cairo được tái xác nhận trong một hội nghị thượng đỉnh tam cường khác nhóm tại Potsdam từ 17.7 đến 2.8. 1945 để ấn định các điều kiện cho Nhật-bản đầu hàng. Tổng thống Hoa-kỳ, Thủ tướng Anh(2) và Tổng thống Trung-hoa Dân-quốc đã ra một tuyên ngôn (thường gọi là Tuyên Ngôn Potsdam) ngày 26.7.1945 trong đó có ghi là "Các điều khoản của bản Tuyên Cáo Cairo sẽ được thi hành."

Tại hội nghị Potsdam này các nhà lãnh đạo tam cường còn đã quyết định chia Đông-dương làm hai khu vực để cho tiện việc giải giới quân đội Nhật-bản đóng tại đây. Vĩ tuyến thứ 16 được chọn làm ranh giới: việc giải giới ở khu vực bắc vĩ tuyến ủy thác cho Quốc quân Trung-hoa và ở khu vực phía nam do liên quân Anh-Ấn đảm nhận. Vì quần đảo Hoàng-sa nằm ở giữa hai vĩ tuyến thứ 15 và 17 nên việc giải giới quân đội Nhật trú đóng ở đây thuộc thẩm quyền Quốc quân Trung-hoa. Trái lại, việc giải giới ở quần đảo Trường-sa phải do liên quân Anh-Ấn đảm nhận do lẽ quần đảo này nằm giữa hai vĩ tuyến thứ 8 và 12.

Nhật-bản khi đầu hàng đã chịu điều kiện qui định trong bản Tuyên Cáo Cairo và ghi nhận trong Văn Kiện Đầu Hàng ngày 2.9.1945. Đồng thời, khi ra lệnh cho quân đội Nhật-bản đang trú đóng ở ngoại quốc đầu hàng và nộp vũ khí cho quân đội Đồng minh, Nhật hoàng Hirohito đã ban hành Tổng Mệnh Lệnh số 1, trong đó điều I khoản (a) qui định là:

"Các tư lệnh Nhật-bản và tất cả lục, hải quân, cùng các lực lượng phụ thuộc ở trên đất Trung-hoa (ngoại trừ Mãn-châu), Đài-loan và Đông-Pháp ở 16 độ bắc vĩ tuyến đầu hàng Đại Nguyên soái Tưởng Giới-thạch."

Việc giải giới quân đội Nhật-bản của Quốc quân Trung-hoa ở bắc vĩ tuyến thứ 16 được coi là bắt đầu từ ngày 9.9.1945, khi Quốc quân Trung-hoa do Tướng Lư-Hán chỉ huy tiến vào thành phố Hà-nội để thi hành nhiệm vụ này và chấm dứt vào cuối tháng 8 năm 1946 khi đội quân chiếm đóng Trung-hoa cuối cùng rời khỏi Việt-nam sau khi Bộ trưởng Ngoại giao Trung-hoa Dân-quốc Vương Thế-kiệt đã cùng Đại sứ Pháp tại Trung-hoa Dân-quốc Jacques Meyrier ký "Thỏa Ước Về Việc Pháp Khước Từ Trị Ngoại Pháp Quyền và Các Quyền Liên Hệ Khác ở Trung-quốc" ngày 28.2.1946, theo đó Trung-hoa Dân-quốc nhường lại quyền giải giới quân đội Nhật-bản cho quân đội Pháp. Tuy nhiên, Bành Phàm-quang viết trong bài "Quần Đảo Nam-sa Tiền Đồn Phòng Thủ Lãnh Hải" rằng:

"Ngày 26.10.1946, hạm đội đặc biệt của Trung-hoa Dân-quốc gồm 4 chiến hạm, mỗi chiếc chở một số đại diện của các bộ và 59 binh sĩ thuộc trung đội độc lập về cảnh vệ của hải quân (tiền thân của thủy quân lục chiến) từ cảng Ngô-tùng xuất phát ngày 29 tháng 10 và ngày 29 tháng 11 thì các tàu Vĩnh-hung và Trung-kiện mới tới đảo Vĩnh-hung thuộc quần đảo Tây-sa và đổ bộ lên đây. Ngày 4 tháng 12 chiến hạm Vĩnh-hung còn đi qua đảo La-bột, đảo Ba-bột v.v., rồi trở lại. Còn hai chiến hạm Thái-bình và Trung-nghiệp đến ngày 9 tháng 12 mới tới quần đảo Nam-sa. Tháng 12 hoàn tất công tác chiếm đóng đảo Thái-bình, ngày 15 tháng 1 chiến hạm Thái-bình tới các đảo Y-thái, Đê-đô, Song-tử, Nam-cực, v.v., rồi trở về. Đến đây công tác chiếm đóng và tiếp thu quần đảo Tây-sa và Nam-sa đã hoàn tất và lần lượt trở về cảng Du-lâm." (Trung-hoa Báo, Đài-bắc, 14.7.1971)

Như vậy việc Quốc quân Trung-hoa đổ bộ lên hai quần đảo này, mà cả hai chính phủ Trung-hoa Dân-quốc và Trung-Cộng gọi là "tiếp thu", là một hành vi bất hợp pháp vì nhiều lý do:

a) Theo quyết định của Hội nghị Potsdam, Quốc quân Trung-hoa chỉ có quyền giải giới quân đội Nhật-bản ở trên quần đảo Hoàng-sa chứ không có quyền ở trên quần đảo Trường-sa vốn thuộc thẩm quyền liên quân Anh-Ấn. Chúng tôi không biết và cũng không thấy có tài liệu nào cho thấy là liên quân Anh-Ấn hay chính phủ Anh đã ủy thác việc giải giới quân đội Nhật-bản ở đây cho Quốc quân Trung-hoa.

b) Việc giải giới phải thực hiện trước cuối tháng 8/1946. Tuy nhiên Quốc quân Trung-hoa lại đổ bộ quân lính lên hai quần đảo này vào hai tháng 11 và 12 năm 1946 và tháng 1 năm 1947, như thế là đã làm một hành vi xâm lược chứ không phải là hành vi thụ ủy hợp pháp, vì từ tháng 8/1946 hành vi giải giới của Quốc quân Trung-hoa, theo tinh thần thỏa ước Pháp-Hoa 28.2.1946 không còn căn bản pháp lý nữa.

Thực vậy, theo thỏa ước Pháp-Hoa này (có hiệu lực từ ngày 8.6.1946), lãnh thổ của Quốc dân Chính phủ Trung-hoa là Trung-hoa Dân-quốc (nghĩa là Hoa lục và các đảo lân cận) và của Chính phủ Cộng hòa Pháp là Pháp quốc, Algeria, tất cả các thuộc địa, các xứ bảo hộ ở hải ngoại cùng là các thác quản địa của Pháp (theo điều 1). Mặt khác, theo văn thư trao đổi cùng ngày, việc quân đội Pháp thay thế Quốc quân Trung-hoa (lúc đó đang chiếm đóng phần đất Việt-nam ở phía bắc vĩ tuyến thứ 16) để canh giữ tù binh Nhật-bản, duy trì an ninh trật tự được thực hiện từ ngày 1 đến ngày 15 tháng 3 và chấm dứt trễ nhất là ngày 31 tháng 3.

Trong khi đó, theo Hòa ước Pháp-Hoa do Khâm sai Đại thần triều đình nhà Thanh (1644-1911) là Lý Hồng-chương, Tổng đốc tỉnh Trực-lệ (nay là tỉnh Hà-bắc), ký với đại diện Pháp là Trung tá Hải quân Fournier tại Thiên-tân (nay là thành phố) ngày 11.5.1884, Trung-quốc khước bỏ mọi quyền đối với Việt-nam và Việt-nam từ ngày đó trở đi không còn là một thuộc quốc của Trung-hoa nữa. Hòa ước này được tái xác nhận hơn một năm sau trong một hòa ước Pháp-Hoa khác ký ngày 9.6.1885.

Mặt khác, sau khi Thế chiến thứ II chấm dứt, hoàng đế Việt-nam, lúc đó là Bảo-đại (1925-1945), ngày 11.3.1945 đã tuyên bố hủy bỏ tất cả các hiệp ước bảo hộ Pháp-Việt và tuyên bố Việt-nam độc lập. Nền độc lập của Việt-nam được tái xác nhận ngày 2.9.1945 sau khi Đảng Cộng sản Việt-nam nắm chính quyền (ngày 19.8.1945). Chính nước Pháp cũng công nhận nền độc lập của Việt-nam trong điều 1 của Tạm Ước Pháp-Việt ký ngày 6.3.1946. Nói cách khác, kể từ 11.3.1945 trở đi lãnh thổ của nước Việt-nam độc lập gồm giải đất từ ải Nam-quan đến mũi Cà-mâu và các đảo phụ thuộc Việt-nam ở ngoài khơi, kể cả hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Như vậy đối với cả Pháp lẫn Trung-quốc, Việt-nam không phải là thuộc quốc của nước nào cả. Do đó, việc "tiếp thu" của Quốc quân Trung-hoa mà Bành Phâm-quang báo cáo kể trên, dù là để thi hành quyết định của các quốc gia đồng minh trong trận Thế Chiến thứ II, đúng là một hành vi bất hợp pháp, trái với các nguyên tắc căn bản của luật quốc tế. Nó đã vi phạm đến chủ quyền của nước Việt-nam độc lập, cho dù khi đó Việt-nam chưa phải là một quốc gia hội viên của Liên-hiệp-quốc.

c) Bản Tuyên Cáo Cairo và Tuyên Ngôn Potsdam hoàn toàn không đề cập tới vấn đề trao hoàn cho Trung-quốc hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa mà Nhật-bản cưỡng chiếm vào đầu trận Thế chiến thứ II. Sự thiếu sót này có phải là do các nhà lãnh đạo đồng minh sơ ý hay quên không?

Lẽ dĩ nhiên là không. Trái lại, chúng ta phải giải thích là các vị ấy đã không quan niệm hai quần đảo này là phần lãnh thổ của Trung-quốc. Điểm đặc biệt đáng chú ý hơn nữa là chính Tổng thống Trung-hoa Dân-quốc, Đại Nguyên soái Tưởng Giới-thạch, đã tham dự cả hai hội nghị Cairo và Potsdam và đã ký vào cả Tuyên Cáo Cairo lẫn Tuyên Ngôn Potsdam, chứ không phải một người đại diện nào khác để bảo là có thể đã không thi hành đúng chỉ thị của chính phủ Trung-hoa Dân-quốc.

Nếu hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa thực sự thuộc chủ quyền của Trung-quốc thì không có lý gì họ Tưởng chỉ đòi trao hoàn có Mãn-châu, Đài-loan và Bành-hồ thôi mà lại không đòi luôn cả Hoàng-sa và Trường-sa. Hơn nữa, trong bản văn của Tuyên Cáo Cairo và Tuyên Ngôn Potsdam chúng ta cũng không thấy từ "vân vân" để có thể nói là vấn đề đã được bao hàm trong hai văn kiện này.

Mười hai năm sau khi tham dự Hội nghị Cairo và ký bản Tuyên Cáo, ngày 8.2.1955 Tổng thống Tưởng Giới-thạch vẫn còn nhắc lại là:

"Trong thông cáo công bố vào lúc bế mạc hội nghị, chúng tôi đã tuyên bố là tất cả các lãnh thổ do Nhật-bản 'cướp' của Trung-quốc, kể cả Đông-bắc tỉnh, Đài-loan và Bành-hồ phải được trao hoàn lại cho Trung-hoa Dân-quốc. Lời tuyên bố này đã được bản Tuyên Ngôn Potsdam công nhận và Nhật-bản chấp nhận khi nước này đầu hàng."(3)

Một lần nữa, ông hoàn toàn không nói gì đến việc phải trao hoàn hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa cho Trung-quốc. Vào lúc ông nói lời trên ông không phải là



không biết đã có sự tranh chấp về chủ quyền đối với hai quần đảo này mà cả hai chính phủ của ông và của Mao Trạch-dông đang đòi.

d) Việc giải giới quân đội Nhật-bản ở Hoàng-sa và Trường-sa không thể hiểu là tiếp thu hay thu hồi được. Hai hành động này có bản chất khác nhau.

Giải giới chỉ có nghĩa là tước bỏ tất cả vũ khí của một đội quân nào để cho đội quân ấy không thể dùng vào việc chiến tranh được nữa. Dù việc giải giới đó được thực hiện trên phần lãnh thổ của một nước khác với nước có phận sự giải giới nó cũng không thể là lý do để cho nước giải giới chiếm lãnh thổ này được, trừ phi trong hiệp định ủy thác việc giải giới có qui định thêm cho phép nước giải giới được chiếm lấy lãnh thổ đó. Ngược lại, tiếp thu hay thu hồi ngụ ý chỉ nước làm công việc này tiếp nhận lại phần lãnh thổ của mình trước đó đã bị một nước khác chiếm đoạt.

Như chúng ta được biết, cả Tuyên Cáo Cairo lẫn Tuyên Ngôn Potsdam chỉ cho phép Trung-hoa Dân-quốc giải giới quân đội Nhật-bản ở quần đảo Hoàng-sa thôi, chứ không hề cho phép Trung-hoa Dân-quốc thu hồi quần đảo này cùng là giải giới quân đội Nhật-bản ở quần đảo Trường-sa hay thu hồi quần đảo ấy. Vì thế việc chiếm đóng, mà Bành Phảm-quang gọi là “thu hồi”, hai quần đảo này của Trung-hoa Dân-quốc là một hành vi bất hợp pháp và vi phạm trầm trọng luật quốc tế vì đi trái với quyết định của Tuyên Cáo Cairo và Tuyên Ngôn Potsdam.

Vì các lý do vừa kể trên, chúng ta phải nhìn nhận rằng lời tuyên bố ngày 15.8.1951 của Châu Ân-lai đã mâu thuẫn với lời tuyên bố ngày 4.12.1950 cũng của họ Châu. Một đảng Trung-Cộng đòi các quốc gia phải tuân theo hai văn kiện quốc tế trên và các chính sách căn bản đối với Nhật-bản sau khi nước này đầu hàng, trong đó việc chia đôi Đông-dương để giải giới quân đội Nhật-bản đóng tại đây cũng là một chính sách căn bản, một đảng lại cho việc tiếp thu hai quần đảo không hề được qui định trong hai văn kiện quốc tế là một hành vi hợp pháp.

Thứ ba, Trung-Cộng coi bất cứ một hòa ước nào ký với Nhật-bản mà không có sự tham dự của Trung-Cộng vào việc chuẩn bị, soạn thảo và ký kết là bất hợp pháp và vô hiệu. Hòa ước Cựu-kim-son ngày 8.9.1951 ký với Nhật-bản có phải là một hòa ước bất hợp pháp và vô hiệu không?

Theo định nghĩa của luật quốc tế, một hiệp ước bị coi là bất hợp pháp khi nào nó nhằm theo đuổi một đối tượng vô luân, khi nào nó tạo ra những nghĩa vụ bất hợp pháp trái với các nguyên tắc của luật quốc tế đã được mọi quốc gia công nhận, trái với nhân quyền, trái với các nguyên tắc căn bản của Hiến chương Liên hiệp quốc, hoặc giả một hiệp ước mà sự thi hành sẽ tạo nên một bất công pháp lý cho một quốc gia đệ tam, hoặc khi nó được ký kết bất xứng hay mâu thuẫn với các nghĩa vụ của hiệp ước có trước mà tất cả hay một trong các nước kết ước đã ký. Chính Trung-Cộng cũng chấp nhận giải thích này, và quan điểm của Trung-Cộng đã được hai học giả luật quốc tế nổi tiếng Trung-quốc là Thiệu Kim-phủ và Trần Thê-cường trình bày trong hai bài biên khảo.

Khi bàn về Hòa ước Cựu-kim-son, Trần Thê-cường trong bài "Đài-loan -- Một Lãnh Thổ Trung-quốc" đã nhắc lại định nghĩa của luật quốc tế là "một quốc gia có bản phận không được ký các hiệp ước nào không phù hợp với các nghĩa vụ của các hiệp ước có trước. Việc ký kết những hiệp ước như vậy là một hành vi bất hợp pháp không thể tạo nên những kết quả hợp pháp có lợi cho quốc gia vi phạm luật."(4)

Mặt khác, trong bài "'Lưỡng Cá Trung-Quốc' Mậu Luận Hòa Quốc Tế Pháp Nguyên Tắc"(5), Thiệu Kim-phủ đã viện dẫn lời của L. Oppenheim cho rằng "Hiệp ước phải phù hợp với luật pháp, biểu hiện trong các nguyên tắc của luật quốc tế được công nhận một cách phổ biến cũng như trong các tập tục của các quốc gia" và "các nghĩa vụ mâu thuẫn với các nguyên tắc của luật quốc tế đã được mọi quốc gia công nhận thì không thể là đối tượng của một hiệp ước được." Ngoài ra, ông cũng viện dẫn điều 103 của Hiến chương Liên hiệp quốc nói rằng khi có sự phân tranh giữa các nghĩa vụ của một quốc gia hội viên Liên hiệp quốc theo Hiến chương này và các nghĩa vụ do hiệp ước quốc tế khác tạo nên, nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hiệp quốc sẽ ưu thắng. Rồi ông kết luận là hiệp ước nào không phù hợp với Hiến chương Liên hiệp quốc sẽ bị coi là vô hiệu không thể chấp hành được.

Đem áp dụng các định nghĩa nêu trên vào Hòa ước Cựu-kim-son, chúng ta thấy các quốc gia ký hòa ước với Nhật-bản là để chấm dứt tình trạng chiến tranh có từ khi xảy ra trận Thế Chiến thứ II, khôi phục địa vị của Nhật-bản trên trường quốc tế, làm giảm tình trạng căng thẳng trên thế giới ngõ hầu xúc tiến việc tạo dựng và duy trì hòa bình trên thế giới, v.v. Như vậy các quốc gia này đã tuân thủ các nguyên tắc căn bản của Hiến chương Liên hiệp quốc và theo đuổi một đối tượng cao quý, chứ không phải là vô luân. Riêng đối với Trung-Cộng, nếu muốn, nước này có thể viện cớ không được mời tham dự Hòa hội Cựu-kim-son để coi hòa ước không thể chấp hành đối với mình thôi, chứ không thể coi nó là hòa ước bất hợp pháp và vô hiệu được.

Ngược lại, đứng về phương diện hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa mà nói, chính Trung-Cộng đã có hành vi bất hợp pháp khi nhà cầm quyền Bắc-kinh cố võ và biện minh cho việc Trung-hoa Dân-quốc đem quân đến chiếm hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa dưới danh nghĩa "tiếp thu."

Thực vậy, điều 2 của Hòa ước Cựu-kim-son sau khi đã nói về việc Nhật-bản từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi đối với tất cả các lãnh thổ nào không phải là lãnh thổ chính của Nhật-bản mà nước này đã chiếm được từ khi có Thế Chiến thứ I cho đến khi chấm dứt trận Thế Chiến thứ II đã qui định thêm trong đoạn (f):

"Nhật-bản khước từ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi trên quần đảo Trường-sa và quần đảo Hoàng-sa."

Các qui định trong điều 2 như vậy đã theo đúng quyết định của Hội nghị Cairo năm 1943 được diễn tả trong bản Tuyên Cáo Cairo mà Trung-Cộng vẫn luôn đòi phải được coi là căn bản chính cho một hòa ước ký với Nhật-bản đã nói ở bên trên. Nói cách khác, chính Trung-Cộng đã coi quyết định của các đại cường là hợp lý, hợp tình và hợp pháp.

Về giá trị của bản Tuyên Cáo Cairo và Tuyên Ngôn Potsdam, cả hai phe Quốc, Cộng Trung-hoa đều nhìn nhận là có hiệu lực. Chúng ta có thể nêu ra vài thí dụ.

Về phía Trung-hoa Dân-quốc, ngày 8.2.1955, khi duyệt xét tình hình thế giới, Tổng thống Tưởng Giới-thạch, đã nói như sau:

"Tôi còn nhớ rằng năm 1945, cố Tổng thống Hoa-kỳ Roosevelt và đương kim Thủ tướng Anh Churchill đã cùng tôi họp hội nghị ở Cairo để thảo luận về các vấn đề liên quan tới việc tiến hành chiến tranh chống Nhật-bản và hậu quả của nó. Trong thông cáo công bố vào lúc bế mạc hội nghị, chúng tôi đã tuyên bố là tất cả các lãnh thổ do Nhật bản 'cướp' của Trung-quốc kể cả Đông-bắc tỉnh, Đài-loan và Bành-hồ phải được trao hoàn cho Trung-hoa Dân-quốc. Lời tuyên bố này đã được bản Tuyên ngôn Potsdam công

nhận và Nhật-bản chấp nhận khi nước này đầu hàng. Như vậy giá trị của nó, tức là của bản Tuyên Cáo Cairo, dựa trên một số thỏa thuận và không ai có thể hoài nghi được...

"Có người phủ nhận giá trị của bản Tuyên Cáo Cairo ... Nếu người ta có thể phủ nhận giá trị của bản Tuyên Cáo Cairo, thì bản Tuyên Ngôn Potsdam và tất cả các hiệp ước, thỏa ước quốc tế được ký kết từ khi chấm dứt Thế Chiến thứ II sẽ ra sao? Có thể phủ nhận giá trị của những văn kiện này được không? Nếu như các nước dân chủ không thừa nhận bản Tuyên Cáo Cairo mà chính họ đã ký kết thì làm thế nào mà bây giờ hay trong tương lai họ có thể chỉ trích khối Cộng sản xâm lăng xé bỏ các hiệp ước, thỏa ước được?..."(6)

Mặt khác, về quan điểm của Bắc-kinh đối với vấn đề giá trị của hai văn kiện quốc tế quan trọng này, chúng ta đã thấy: (a) khi cuộc tranh luận tại Liên hiệp quốc về địa vị của đảo Đài-loan đang tiến hành, ngày 24.8.1950 nhà cầm quyền Bắc-kinh đã gửi một bức công điện cho tổ chức quốc tế này, trong đó có đề cập tới Tuyên Cáo Cairo và Tuyên Ngôn Potsdam coi là "những thỏa ước có ước thúc lực" mà các quốc gia ký kết phải tôn trọng và tuân hành; (b) hoặc như qua lời tuyên bố ngày 4.12.1950 của Châu Ân-lai đã dẫn trong một đoạn bên trên, (c) cũng như trong lời tuyên bố ngày 15.8.1951 của Châu Ân-lai như sau:

"Dù xét về thủ tục mà hòa ước được chuẩn bị hay về nội dung, ta thấy Dự thảo Hòa ước Anh-Mỹ tráng trợn vi phạm các thỏa ước quốc tế quan trọng, mà Anh-Mỹ đều là phe kết ước, như là ... bản Tuyên Cáo Cairo, ... bản Tuyên Ngôn Potsdam ...

"Vi phạm sự thỏa thuận theo bản Tuyên Cáo Cairo và bản Tuyên Ngôn Potsdam, Dự thảo Hòa ước chỉ qui định là Nhật-bản sẽ khước từ các quyền đối với Đài-loan và Bành-hồ..."

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Bên cạnh quan điểm của nhà cầm quyền Bắc-kinh còn có quan điểm của học giả nữa. Chẳng hạn Trần Thế-cường đã viết một bài nhan đề "Đài-loan đích Chủ Quyền Thuộc ư Trung-quốc", trong đó ông đã viết:

"Bản Tuyên Cáo Cairo ... là một văn kiện quốc tế 'ràng buộc các quốc gia đương sự về mặt pháp lý.' Hơn nữa, bản Tuyên Ngôn Potsdam do Trung-quốc, Hoa-kỳ và Anh-quốc ký ngày 26 tháng 7 năm 1945 để thúc Nhật-bản đầu hàng đã tái xác định các nghĩa vụ trong bản Tuyên Cáo Cairo. Bản Tuyên Ngôn Potsdam qui định là 'các điều khoản của bản Tuyên Cáo Cairo sẽ được thi hành.' Câu 'sẽ được thi hành' như vậy chứng tỏ rằng bản Tuyên Cáo Cairo là một văn kiện tạo nên nghĩa vụ quốc tế, chứ không phải chỉ là lời tuyên bố về các ý định của các người ký ...

"Đứng về phương diện học lý của luật quốc tế, hiệu lực ước thúc của bản Tuyên Cáo Cairo, một hiệp ước quốc tế, không thể nào bị nghi ngờ được."(7)

Như vậy là cả hai phe Quốc, Cộng Trung-hoa đều đồng ý là bản Tuyên Cáo Cairo có hiệu lực đối với các quốc gia kết ước. Trung-hoa, một trong những quốc gia đó, có bốn phận phải tuân thủ những điều cam kết. Do đó, tuy không tham dự việc chuẩn bị, soạn thảo và ký Hòa ước Cựu-kim-sơn, Trung-Cộng không thể nào coi hòa ước này bất hợp pháp được vì lẽ nó đã qui định đúng những quyết định của bản Tuyên Cáo Cairo mà Trung-Cộng vẫn đòi mọi quốc gia kết ước phải tuân theo. Nói cách khác, vì Hòa ước Cựu-kim-sơn là một văn kiện quốc tế nhằm thi hành những quyết định của Hội nghị

Cairo 1943, nó cũng phải có hiệu lực như bản Tuyên Cáo Cairo, kể cả đối với Trung-Cộng vốn tự nhận là "đại diện duy nhất chân chính của nhân dân Trung-quốc."

Hơn một tháng sau khi lên tiếng ngày 15.8.1951 về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa nói trên, khi bình luận về việc ký Hòa ước Cựu-kim-son, trong một thông cáo của Bộ Ngoại giao Bắc-kinh ngày 18.9.1951, Châu Ân-lai không hề nói gì về vấn đề hai quần đảo này cả mà chỉ lặp lại lập trường cũ, phủ nhận giá trị và hiệu lực của hòa ước vì đã được ký kết mà không có sự tham dự của Trung-Cộng.

Sự im lặng này càng khó hiểu hơn nữa khi chắc chắn là Trung-Cộng phải biết rằng Hòa hội Cựu-kim-son đã bác bỏ đề nghị của phái đoàn Nga-sô đòi trao trả hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa cho Trung-Cộng và về phản ứng của phái đoàn Quốc gia Việt-nam.

Thực vậy, ngày 5.9.1951, trong phiên họp khoáng đại hội nghị thứ 2 của Hòa hội Cựu-kim-son, đại biểu Nga-sô Andrei A. Gromyko sau khi chỉ trích tính cách bất hợp pháp và sự vô nghĩa của bản dự thảo hòa ước của Anh-Mỹ để ký với Nhật-bản đã đưa ra một đề nghị 7 điểm gọi là để hướng dẫn việc ký kết hòa ước thực sự với Nhật-bản. Điểm 6 đề nghị trao trả hai quần đảo này cho Trung-Cộng. Hai ngày sau, ngày 7.9.1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần-văn-Hữu, trưởng phái đoàn Quốc-gia Việt-nam, đã lên tiếng tái xác định chủ quyền của Việt-nam trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Về đề nghị của Gromyko, chính phủ Bắc-kinh không chính thức lên tiếng. Chỉ có bản nguyệt san Anh-ngữ của Trung-Cộng People's China (Nhân dân Trung-quốc) đã tường thuật lại trong một bài nhan đề "At the San Francisco 'Conference'" (Tại "Hội-nghị" Cựu-kim-son), trong đó có ghi điểm 6 của đề nghị của Nga-Sô như sau: "Qui hoàn Đài-loan, quần đảo Bành-hồ (Pescadores), quần đảo Tây-sa và các lãnh thổ Trung-hoa khác cho nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa."

Ngoài điểm này ra, bài tường thuật cũng không đã động gì đến việc hòa hội bác bỏ đề nghị của Nga-sô và phản ứng của Quốc-gia Việt-nam. Sự im lặng này đáng lạ vì bài tường thuật được viết trong khoảng thời gian giữa các ngày 5.9.1951 (ngày Gromyko nêu đề nghị 7 điểm), ngày 7.9.1951 (ngày trưởng phái đoàn Quốc-gia Việt-nam tái xác định chủ quyền của Việt-nam) và ngày 16.9.1951 (ngày báo phát hành). Như vậy không thể nào Trung-Cộng không biết gì đến phản ứng của Quốc-gia Việt-nam đối với đề nghị của Nga-sô và không có lý nào nhà cầm quyền Bắc-kinh lại quên được, nhất là bài báo nói trên trước khi được in đã phải được nhà cầm quyền Trung-Cộng kiểm duyệt và cho phép in.

Một điểm khác chúng ta cũng nên nhớ là bất cứ một hành vi nào của Quốc-gia Việt-nam (và sau này của Việt-nam Cộng-hòa) đều bị Trung-Cộng theo dõi rất kỹ và, khi thấy thuận tiện, phê bình, chỉ trích rất nặng nề. Nếu quả thực hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa thực sự là của Trung-quốc như cả Bắc-kinh lẫn Đài-bắc vẫn nhiều lần tuyên bố thì việc trưởng phái đoàn Quốc-gia Việt-nam tái xác định chủ quyền trong hòa hội không thể nào mà không bị Trung-Cộng chỉ trích dữ dội và lên án, đe dọa như sau này Trung-Cộng sẽ làm.

Sự im lặng lại càng trở nên khó hiểu hơn nữa khi trong bản tuyên bố ngày 5.5.1952 về hòa ước mà Trung-hoa Dân-quốc đã ký với Nhật-bản ngày 28.4.1952, Châu Ân-lai không nói gì đến hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa, mặc dù hai quần đảo này đã được đề cập tới trong điều 2 của hòa ước như sau:

"Điều 2.- Hai bên nhìn nhận là theo điều 2 Hòa ước với Nhật-bản ký ngày 8 tháng chín năm 1951 tại Cựu-kim-son ở Hoa-kỳ, Nhật-bản đã khước từ mọi quyền, danh nghĩa hay đòi hỏi liên quan đến Đài-loan (Formosa) và Bành-hồ (the Pescadores), cũng như quần đảo Trường-sa và Hoàng-sa."

Theo điều khoản này, Nhật-bản chỉ nhắc lại việc khước từ thôi chứ không nói rõ là Nhật-bản qui hoàn hai quần đảo này cho Trung-hoa Dân-quốc. Có một sự khác biệt rất lớn giữa hai hành động khước từ và qui hoàn.

Khước từ là một hành động tiêu cực do đó người/nước khước từ nhìn nhận là từ ngày có (hay ký) quyết định khước từ người/nước ấy sẽ không còn bất cứ một thứ quyền hợp pháp nào đối với vật mà người/nước ấy từ bỏ. Tuy nhiên, người/nước này không chuyển giao hay chuyển nhượng vật đó cho một người/nước khác. Trái lại, qui hoàn là một hành động tích cực, có nghĩa là người/nước chiếm hữu một vật gì, dù là chiếm hữu hợp pháp hay là bất hợp pháp, trả vật đó lại cho sở hữu chủ hợp pháp của nó. Sở hữu chủ của vật được qui hoàn là đối tượng xác định của hành động qui hoàn.

Vì mục đích của chúng tôi trong bài biên khảo này chỉ là tìm hiểu các luận cứ của Trung-quốc về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa thôi nên chúng tôi không tìm hiểu nguyên nhân sự im lặng của Trung-Cộng.

### **III. PHẢN ỨNG CỦA TRUNG-QUỐC ĐỐI VỚI VIỆC PHI-LUẬT-TÂN LẠI ĐÒI CHỦ QUYỀN TRÊN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG-SA (1956)**

Sau khi hòa hội Cựu-kim-son bế mạc, cả Trung-Cộng lẫn Đài-loan không có dịp nào để lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa cho tới năm 1956 khi Phi-luật-tân lên tiếng đòi chủ quyền trên quần đảo Trường-sa.

Trong hai năm 1949 và 1950, Tomas Cloma, chủ một đội ngư thuyền và thương thuyền và giám đốc một trường hàng hải đã khám phá thấy một nhóm đảo lớn nhỏ ở cách đảo Palawan của Phi-luật-tân khoảng 400 dặm về phía tây. Ông hy vọng lập một nhà máy nước đá và một nhà máy đóng đồ hộp ở trên một hòn đảo lớn nhất ở đây, cũng như là khai thác phân chim trong những hòn đảo kế cận.

Tuy nhiên, mãi đến đầu năm 1956 Cloma mới lại tiếp tục khám phá những hòn đảo này trong một chuyến du hành 38 ngày. Ngày 15.3.1956, chiếc tàu PMI IV – vẫn được dùng để huấn luyện các sinh viên trường hàng hải của Cloma -- do thuyền trưởng Filemon Cloma, em trai Tomas Cloma, điều khiển đã lên đường ra các hòn đảo này. 40 thủy thủ trên tàu, tất cả đều có quốc tịch Phi-luật-tân, đã dựng quốc kỳ Phi-luật-tân trên một hòn đảo và chính thức tuyên bố chiếm hữu đảo này theo tục lệ quốc tế. Tại mỗi hòn đảo họ tới chiếm đóng, họ đều niêm yết cáo thị chiếm hữu. Họ đặt tên những hòn đảo ở đây, tất cả có 53 đảo và cù lao với diện tích tổng cộng 64.976 dặm vuông, là "Freedomland" hay Đất Tự-do.

Ngày 15.5.1956 Tomas Cloma chính thức thông báo cho Phó Tổng thống kiêm Ngoại trưởng Phi-luật-tân Carlos P. Garcia hay là một số công dân Phi-luật-tân đã quan sát, trắc lượng và chiếm hữu "một lãnh thổ ở Nam-hải, bên ngoài hải phận Phi-luật-tân và không thuộc thẩm quyền quản hạt của nước nào." Cloma cũng nói thêm là lãnh thổ này đã được Cloma và các đồng sự tuyên bố chiếm hữu.

Mặt khác, Cloma đã gửi "cáo thị" về việc chiếm hữu này tới báo chí trong và ngoài nước, yêu cầu đăng tải theo thủ tục luật quốc tế. Cáo thị nhấn mạnh là sự tuyên bố này căn cứ vào quyền khám phá và/hay chiếm hữu công khai.

Sáu ngày sau, ngày 21.5.1956, Cloma gửi một bức thư thứ nhì cho Bộ Ngoại giao Phi-luật-tân để thông báo cho Chính phủ Phi-luật-tân hay là lãnh thổ mà ông tuyên bố chiếm hữu được đặt tên là "Freedomland." Kèm theo thư là danh sách các đảo và cù lao.

Trong thư Cloma còn nói thêm là:

"Kính xin lưu ý là sự tuyên bố này do 'các công dân Phi-luật-tân' làm chứ không phải là 'nhân danh Chính phủ Phi-luật-tân' bởi vì chúng tôi không được phép làm như vậy. Tuy nhiên việc này sẽ có hậu quả là lãnh thổ trở thành một phần của Phi-luật-tân. Vì lý do đó chúng tôi hy vọng và thỉnh cầu Chính phủ Phi-luật-tân ủng hộ cùng là bảo vệ sự tuyên bố của chúng tôi và xin cũng đừng đưa một tuyên bố nào khác ra Liên hiệp quốc để tránh khỏi khuyến khích, xúi giục sự phản đối của các nước khác."

Sau đó Cloma chính thức tuyên cáo thành lập một chính quyền riêng biệt cho quần đảo Freedomland và gửi một bản tuyên cáo về việc thành lập chính quyền này cho Ngoại trưởng Phi-luật-tân ngày 6.7.1956. Bản tuyên cáo còn yêu cầu Phi-luật-tân cho quần đảo hưởng qui chế bảo hộ.

Vấn đề rắc rối thêm khi Ngoại trưởng Phi-luật-tân trong thư trả lời Cloma đã viết:

"Về phần Bộ Ngoại giao, thiềm Bộ coi các đảo, cù lao, ám sa san-hô, thiềm than và các bãi cát bao gồm ở trong vùng mà ông mệnh danh là "Freedomland", ngoại trừ nhóm 7 hòn đảo mà quốc tế thường gọi là quần đảo Spratly, là đất vô chủ, có cái mới nổi lên, có cái đã được ghi chú trên bản đồ quốc tế chưa thám sát và sự hiện hữu đáng nghi ngờ, và tất cả đều chưa có ai tới chiếm hữu, chưa có ai cư ngụ; nói một cách khác, điều đó có nghĩa là mọi công dân Phi-luật-tân có quyền tự do khai thác kinh tế và lập nghiệp như công dân bất cứ quốc gia nào khác, ngày nào mà chủ quyền chuyên hữu của bất cứ quốc gia nào trên những đảo này không được thiết lập theo các nguyên tắc vẫn được luật quốc tế chấp nhận hay được cộng đồng các quốc gia thừa nhận.

"Còn về nhóm 7 hòn đảo mà quốc tế thường gọi là quần đảo Spratly, Chính phủ Phi-luật-tân coi những đảo này như là ở trong chế độ giám hộ trên thực tế của các quốc gia đồng minh thắng trận Thế chiến thứ 2 do kết quả của Hòa ước mà Nhật-bản ký tại Cựu-kim-son ngày 8.9.1951 theo đó Nhật-bản khước từ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi trên quần đảo Spratly và quần đảo Paracel và cho tới nay các quốc gia đồng minh chưa có một dàn xếp đất đai nào về hai quần đảo này. Vì thế ngày nào mà nhóm các đảo đó còn ở trong tình trạng này, mọi công dân hay nhân viên các quốc gia đồng minh có quyền khai thác kinh tế và lập nghiệp trên căn bản bình đẳng cơ hội và đối đãi về các vấn đề xã hội, kinh tế và thương mại liên quan tới hai quần đảo này.

"Phi-luật-tân là một trong những quốc gia đồng minh đã đánh bại Nhật-bản trong trận Thế Chiến thứ 2 và cũng là quốc gia ký Hòa ước Nhật-bản đã nói bên trên.

"Về phương diện vị trí địa dư của những hòn đảo và cù lao trong 'Freedomland', vì chúng kề cận biên giới lãnh thổ Phi-luật-tân về phía tây, vì những quan hệ lịch sử và địa chất của chúng đối với quần đảo Phi-luật-tân, vì giá trị chiến lược lớn lao của chúng đối với nền quốc phòng và an ninh của chúng ta, ngoài tiềm năng kinh tế đáng kể về ngư nghiệp, sản phẩm san hô, hải sản và phốt-phát, chắc chắn là Chính-phủ Phi-luật-tân không coi thường sự khai thác kinh tế và lập nghiệp của các công dân Phi-luật-tân tại những nhóm đảo và cù lao này ngày nào họ còn theo đuổi những mục đích hợp pháp."

Ngoài ra, trong một buổi họp báo tại Manila ngày 19.5.1956, ông Carlos Garcia cũng tuyên bố là một nhóm đảo ở Nam-hải, kể cả đảo Thái-bình và đảo Trường-sa, đúng lý ra phải thuộc về Phi-luật-tân vì chúng kề cận nước này.

Các sự kiện và lời tuyên bố này đã tạo ra phản ứng mãnh liệt trên thế giới. Vì đề tài của bài này, ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới phản ứng của Trung-quốc thôi chứ không đề cập tới phản ứng của Việt-nam và của các quốc gia khác.

Ngày 29.5.1956 Bộ Ngoại giao Trung-Cộng đã ra một tuyên bố về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo, nội dung như sau:

"Theo tin gần đây của một vài hãng thông tấn ngoại quốc Bộ trưởng Ngoại giao Phi-luật-tân Carlos Garcia đã tuyên bố trong một cuộc họp báo là nhóm các đảo ở Nam-hải kể cả đảo Thái-bình và đảo Nam-uy 'đúng ra phải thuộc về Phi-luật-tân vì chúng ở kề cận.' Các báo cáo của các hãng thông tấn ngoại quốc còn tiết lộ thêm là Chính phủ Phi-luật-tân hiện đang tiếp xúc với bè lũ Tưởng Giới-thạch ở Đài-loan mưu toan 'dàn xếp' cái gọi là vấn đề chủ quyền trên quần đảo Nam-sa. Về vấn đề này, Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa thấy cần phải tuyên bố như sau:

"Đảo Thái-bình và đảo Nam-uy ở Nam-hải nói trên, cùng với những đảo nhỏ ở lân cận đều được gọi chung là quần đảo Nam-sa. Quần đảo này lúc nào cũng là một phần lãnh thổ của Trung-quốc. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa có chủ quyền bất khả tranh nghị và hợp pháp đối với quần đảo này. Ngay từ ngày 15.8.1951, Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa Châu Ân-lai trong bản Tuyên bố về Dự thảo Hòa ước ký với Nhật-bản của Anh-Mỹ và Hội nghị Cựu-kim-son đã long trọng vạch rõ rằng: 'Cũng như toàn thể quần đảo Nam-sa, quần đảo Trung-sa và quần đảo Đông-sa, quần đảo Tây-sa (quần đảo Paracel) và đảo Nam-uy (đảo Spratly) lúc nào cũng là lãnh thổ của Trung-quốc. Mặc dù đã có thời kỳ những đảo này bị Nhật-bản chiếm đóng trong trận chiến tranh xâm lăng do đế quốc Nhật-bản gây ra, sau khi Nhật-bản đầu hàng, Chính phủ Trung-hoa lúc bấy giờ đã thu hồi lại.' Có do Chính phủ Phi-luật-tân nêu ra đề che đậy ý đồ xâm chiếm lãnh thổ của Trung-quốc, quần đảo Nam-sa, hoàn toàn không thể biện minh được.

"Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa long trọng tuyên bố: sự xâm phạm chủ quyền hợp pháp của Trung-quốc đối với quần đảo Nam-sa của bất cứ quốc gia nào, vì bất cứ lý do nào, và bằng bất cứ phương tiện nào, cũng tuyệt đối không thể dung thứ được."

Một lần nữa chúng ta thấy bản tuyên bố cũng không nêu ra một chi tiết cụ thể nào để chứng minh chủ quyền của Trung-quốc đối với quần đảo Trường-sa, và cả Hoàng-sa nữa. Vẫn chỉ là sự tái khẳng định chủ quyền đó một cách vu vơ thôi.

Về phía Đài-loan, qua đại sứ của mình ở Manila, chính phủ Trung-hoa Dân-quốc đã phản kháng mạnh mẽ cùng chính phủ Phi-luật-tân và viện vào cớ là quần đảo này thuộc về Trung-quốc từ thế kỷ thứ 15. Chúng tôi rất tiếc không được rõ nội dung sự phản kháng này nên không biết luận cứ của Đài-loan ra sao và căn cứ vào đâu mà Đài-loan cho là chủ quyền đó có từ thế kỷ thứ 15.

Song song với việc phản kháng tại Manila, phát ngôn viên Đài-loan còn loan tin Đài-loan phái một lực lượng đặc nhiệm tới quần đảo Trường-sa "có thể và chắc chắn sẽ xảy ra" và quả thực một hạm đội Đài-loan đã được phái tới nơi trong một thời gian ngắn để ngăn chặn mọi việc không hay xảy ra.

Nhận được tin này, Ngoại trưởng Phi-luật-tân đã vội vàng chỉ thị cho Đại sứ Phi-luật-tân tại Đài-bắc là Narciso Ramos báo cho chính phủ Đài-loan "không nên quá e ngại về diễn biến của tình-hình." Ngoài ra ông cũng loan báo là chính phủ Phi-luật-tân chưa có một thái độ chính thức nào về những lời tuyên bố của Cloma và tuy Phi-luật-tân chưa thăm dò ý kiến với chính phủ Hoa-kỳ về vấn đề này, ông nghĩ là nếu sau này cần có một trung gian hòa giải thì Hoa-kỳ sẽ là "một trọng tài công minh chính trực" vì Hoa-kỳ có quan hệ thân hữu với cả hai nước.

Trong khi đó, ngày 8.6.1956 Cloma lại phái một đoàn thứ 2 mang thực phẩm ra tiếp tế cho 29 thủy thủ đã ở lại quần đảo trong chuyến đi thứ nhất.

Ở đảo Thái-bình, các thủy thủ của Cloma thấy hải quân Đài-loan đã bóc dỡ những móc bia đánh dấu mà họ dựng lên trên đảo trong chuyến đi thứ nhất và đã dựng một dấu hiệu của Trung-hoa Dân-quốc trên móc bia cũ của Nhật-bản và cũng vẽ dấu hiệu Trung-hoa trên tường một căn nhà đổ nát trước kia thuộc trại lính Nhật.

Cuộc chạm trán đầu tiên giữa thủy đội của Cloma và hải quân Đài-loan đã xảy ra ngày 1.10.1956. Lúc thuyền trưởng Filemon Cloma đang ở trên tàu PMI IV bỏ neo ở ngoài khơi đảo Ciriaco thì có hai chiếc tàu của Đài-loan từ phía nam tiến lại gần. Thuyền trưởng Cloma được mời lên tàu của Đài-loan để thương nghị với thuyền trưởng họ Hồ (không tài liệu nào cho rõ tên). Cuộc thảo luận kéo dài 4 tiếng đồng hồ. Sau đó một đoàn hải quân Đài-loan lên tàu của Cloma kiểm soát trong hai tiếng đồng hồ. Họ tịch thu tất cả súng ống, vũ khí, bản đồ và các tài liệu trên tàu. Mặc dù có phản kháng, thuyền trưởng Cloma vẫn bị giữ trên tàu mãi đến 9 giờ đêm hôm đó. Hôm sau, thuyền trưởng Cloma lại được mời lên tàu của Đài-loan. Tuy từ chối không chịu nhận Freedomland là lãnh thổ của Trung-quốc và không chịu ký vào tờ tuyên bố là ông và các thủy thủ sẽ rời Freedomland không bao giờ trở lại, nhưng ông không bị bắt buộc phải nộp vũ khí cho các viên-chức Đài-loan. Ngày 3.10.1956 tàu của Đài-loan rời khu vực này.

Nói tóm lại, Bắc-kinh và Đài-bắc đều nhận hai quần đảo Trường-sa và Hoàng-sa là lãnh thổ của Trung-quốc, nhưng cả hai chính phủ Quốc, Cộng Trung-hoa lại vẫn không đưa ra được một bằng chứng cụ thể nào để bênh vực quan điểm của mình mà chỉ biết dùng vũ lực để ép người khác phải nhìn nhận quan-điểm của họ. Chính sách sử dụng vũ lực này 18 năm sau (năm 1974) đã được Trung-quốc dùng tới một lần nữa, lần này đến phiên Trung-Cộng.

#### **IV. DỊP VIỆT-NAM CỘNG-HÒA BẮT GIỮ NGƯ DÂN TRUNG-CỘNG (1959)**

Ngót ba năm sau, năm 1959, một biến cố khác đã xảy ra khiến cho Trung-quốc lại có dịp lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Đêm ngày 20 rạng ngày 21.2.1959, một đơn vị hải quân Việt-nam Cộng-hòa đóng tại quần đảo Hoàng-sa phát giác thấy Trung-Cộng đã lén đưa ngư dân đổ bộ lên các đảo Cam-tuyền (Robert), Duy-mộng (Drummond) và Quang-hòa (Duncan) trong nhóm Nguyệt-thiểm (Crescent) thuộc quần đảo Hoàng-sa với mục đích chiếm quần đảo. Đây không phải là lần đầu họ làm như vậy. Năm 1956 các ngư dân Trung-Cộng đã lén lút đổ



bộ lên Lâm-đảo (Wooded Island) và đảo Linh-côn (Lincoln Island), cũng thuộc nhóm Nguyệt-thiểm, và sau được thay thế bằng quân chính qui của Trung-Cộng. Tuy nhiên lần đó bộ này họ không thành công. Hải quân Việt-nam Cộng-hòa đã ngăn chặn các ngư thuyền của họ và ra lệnh cho họ rút lui. Khi họ từ chối và kháng cự, các lực lượng hải quân Việt-nam Cộng-hòa đã bắt giữ 82 ngư dân và 5 ngư thuyền. Vài bữa sau họ được thả. Ngót một tuần sau, Bắc-kinh mới phản ứng.

Trong một bản tuyên bố ngày 27.2.1959, Bộ Ngoại giao Trung-Cộng vu cáo là hải quân Việt-nam Cộng-hòa đã xâm nhập bất hợp pháp quần đảo Hoàng-sa, bắt cóc 82 ngư dân và chiếm giữ 5 ngư thuyền cùng các tài sản khác của ngư dân Trung-Cộng. Bản tuyên bố còn nói thêm là:

"Quần đảo Tây-sa là một phần lãnh thổ của Trung-quốc. Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa đã long trọng tuyên bố về sự kiện này ngày 15.8.1951 và ngày 29.5.1956. Nay hải quân Nam-Việt đã vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Trung-quốc và bắt cóc các ngư dân, ngư thuyền Trung-hoa. Điều này khiến nhân dân Trung-quốc hết sức tức giận.

"Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa long trọng cảnh cáo nhà cầm quyền Nam-Việt phải phóng thích ngay những ngư dân Trung-hoa bị bắt cóc, trao trả tất cả các ngư thuyền và tài sản khác đã bị chiếm mang đi, bồi thường thiệt hại cho những người này và bảo đảm không để cho những việc bất hợp pháp tương tự tái diễn trong tương lai. Nếu không, nhà cầm quyền Nam-Việt sẽ phải chịu trách nhiệm về tất cả các hậu quả."

Bản tuyên ngôn này, cũng như biết bao bản tuyên ngôn trước đó, không hề đưa ra một chi tiết nào để chứng minh Hoàng-sa, và cả Trường-sa nữa, là một phần lãnh thổ của Trung-quốc. Tuy nhiên, bản tuyên bố cũng mang một vài điểm đáng chú ý.

Thứ nhất, khác với những lần tuyên bố trước Trung-Cộng chỉ nói đến chủ quyền của Trung-quốc trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa và sự không dung thứ những hành vi nào mà Trung-Cộng cho là vi phạm đến chủ quyền đó thôi, lần này bản tuyên bố đã đe dọa rằng nhà cầm quyền Nam-Việt, một danh từ Trung-Cộng hay dùng để gọi Việt-nam Cộng-hòa, "sẽ phải chịu trách nhiệm về tất cả những hậu quả." Lời đe dọa đó sau này được Trung-Cộng thực hiện bằng việc đánh chiếm quần đảo Hoàng-sa năm 1974.

Thứ hai, Trung-Cộng đã coi việc hải quân Việt-nam Cộng-hòa đóng tại quần đảo Hoàng-sa là xâm nhập bất hợp pháp quần đảo này và vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Trung-quốc. Tuy nhiên, không phải chỉ đến ngày 20 và 21.2.1959, nghĩa là ngày xảy ra biến cố bắt giữ ngư dân Trung-Cộng, hải quân Việt-nam Cộng-hòa mới tới đồn trú tại đây; trái lại họ đã đồn trú ở đó từ lâu rồi. Một việc quan trọng như vậy, đến độ Trung-Cộng phải ghép vào loại "vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Trung-quốc" chắc chắn là cả Trung-Cộng lẫn Đài-loan đều phải biết. Trái lại, theo sự nghiên cứu của chúng tôi, cả Trung-Cộng lẫn Đài-loan không hề lên tiếng phản đối việc đồn trú này. Phải đợi đến khi ngư dân Trung-Cộng bị bắt giữ thì Trung-quốc mới có phản-ứng. Hơn nữa, chỉ có nhà cầm quyền Bắc-kinh mới lên tiếng kết tội Việt-nam Cộng-hòa, còn Đài-loan hoàn toàn im lặng, không có một lời tuyên bố, dù là chính thức hay bán chính thức, về việc hải quân Việt-nam Cộng-hòa đồn trú tại quần đảo Hoàng-sa cũng như về việc bắt giữ ngư dân, ngư thuyền Trung-Cộng.

Thứ ba, Trung-Cộng đã vu cáo hải quân Việt-nam Cộng-hòa "bắt cóc ngư dân, ngư thuyền Trung-hoa." Sở dĩ chúng tôi phải dùng từ "vu cáo" ở đây là vì Trung-Cộng đã dùng từ "bắt cóc" gán ghép cho hành động của hải quân Việt-nam Cộng-hòa.

Theo định nghĩa, "bắt cóc" là tội bắt giữ người một cách bất hợp pháp và di chuyển người đó đi nơi khác. Theo luật quốc nội cũng như luật quốc tế, đây là một hình tội. Muốn bị kết tội bắt cóc, người bắt giữ phải phạm những yếu tố sau đây: cố ý phạm tội, bắt giữ nạn nhân bất hợp pháp, và di chuyển nạn nhân đi chỗ khác.

Cố ý phạm tội nghĩa là người bắt cóc phải đã có ý định bắt cóc nạn nhân trước khi thực hiện ý định đó. Trong việc bắt giữ các ngư nhân Trung-Cộng, hải quân Việt-nam Cộng-hòa không hề có ý định bắt giữ họ từ trước mà chỉ giữ họ lại khi họ không chịu rời khỏi các đảo Can-tuyền, Duy-mộng và Quảng-hòa theo như yêu cầu của hải quân Việt-nam Cộng-hòa thôi.

Bắt cóc là một hành vi bất hợp pháp. Tuy nhiên, nếu người bắt giữ người khác do trách nhiệm, bổn phận của mình trong phạm vi pháp luật cho phép, dù là pháp luật quốc nội hay pháp luật quốc tế, người bắt giữ không làm hành vi bất hợp pháp. Trong vụ bắt giữ ngư dân Trung-Cộng, hải quân Việt-nam Cộng-hòa chỉ thi hành nhiệm vụ của mình là bảo vệ lãnh thổ quốc gia không cho ai được xâm phạm. Đó là một nhiệm vụ mà bất cứ quân nhân nước nào trên thế giới, kể cả Trung-Cộng nữa, cũng phải thi hành. Mặt khác, nếu người bắt giữ không chịu thả nạn nhân khi nạn nhân có quyền được thả ra thì mới có thể bị coi là phạm tội bắt cóc. Ở đây, hải quân Việt-nam Cộng-hòa đã thả các ngư dân Trung-Cộng ngay sau khi đã làm các hành vi thuộc bổn phận của mình nên cũng không thể coi là bắt cóc các ngư dân, ngư thuyền Trung-Cộng. Nói cách khác, họ chỉ bắt giữ theo luật định chứ không bắt cóc.

Ngoài ra, việc bắt cóc ngư ý chỉ người làm ra hành động này phải giới hạn sự di chuyển của nạn nhân, không cho nạn nhân đi đâu hết. Trái lại, nếu chỉ ngăn chặn không cho nạn nhân tới một chỗ nào vì một lý do hợp pháp nào thì việc đó không phải là bắt cóc. Mặt khác, nếu nạn nhân có cách thoát khỏi sự giam giữ mà không nguy hại đến tính mệnh của mình, việc bắt giữ nạn nhân cũng không thể coi là bắt cóc được. Trong vụ này các ngư dân Trung-Cộng đã được hải quân Việt-nam Cộng-hòa đồn trú tại ba hòn đảo nơi xảy ra biến cố, mà Việt-nam Cộng-hòa cho là phần lãnh thổ của mình và ủy thác cho hải quân Việt-nam Cộng-hòa bảo vệ và canh giữ, để cho tự do đi bất cứ nơi nào khác ngoài trừ đồ bộ lên ba hòn đảo này nếu không có phép của Việt-nam Cộng-hòa. Như vậy khi hải quân Việt-nam Cộng-hòa bắt giữ các ngư dân Trung-Cộng không chịu rút lui khỏi ba đảo, họ không bắt cóc các người đó.

Sau hết, cũng nên nói thêm là Trung-Cộng đã dùng sai từ "bắt cóc". Bắt cóc đòi hỏi việc di chuyển nạn nhân đi một nơi khác với nơi bị bắt giữ và nơi đó không được tiết lộ. Ở đây các ngư dân Trung-Cộng không hề bị hải quân Việt-nam Cộng-hòa di chuyển đi đâu cả, mà chỉ bị ngăn không được lưu lại ba hòn đảo thôi. Hành vi của hải quân Việt-nam Cộng-hòa không thể ghép vào tội bắt cóc được.

Thứ tư, chính quyền Bắc-kinh đòi Việt-nam Cộng-hòa chẳng những là phải "phóng thích ngay những ngư dân Trung-hoa bị bắt cóc" mà còn phải "trao trả tất cả các ngư thuyền và tài sản khác đã bị chiếm mang đi". Chỗ này Trung-Cộng vu cáo quá lố. Hải quân Việt-nam Cộng-hòa chỉ giữ các ngư dân Trung-Cộng và ngư thuyền thôi và không hề lấy một chút tài sản nào khác chứ đừng nói là "chiếm mang đi". Dụng ý của Trung-Cộng ở đây khi vu cáo như vậy là có ý muốn tỏ cho thế giới hay rằng hải quân

Việt-nam Cộng-hòa đã có hành động bất hợp pháp của những tên hải tặc chuyên môn đánh cướp trên mặt bể, chứ không phải là hành động hợp pháp của các quân nhân bảo vệ lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, sự vu cáo này của Trung-Cộng cũng không đáng cho mọi người ngạc nhiên vì Trung-Cộng có thói quen vu cáo và lằng nhục những nước hay những người đối nghịch với Trung-Cộng và thói quen đó đã nổi tiếng trên thế giới.

## **V. PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI LỜI TUYÊN BỐ CỦA TỔNG THỐNG PHI-LUẬT-TÂN VỀ CHỦ QUYỀN TRÊN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG-SA (1971)**

Mười hai năm lại trôi qua đi không có dịp nào để các nhà cầm quyền Bắc-kinh và Đài-bắc lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa, cho tới năm 1971.

Trong một buổi họp báo tại điện Malacanang ngày 10.7.1971, trước buổi khai mạc hội nghị kỳ thứ 6 của Hiệp Hội Các Quốc Gia Á-châu và Thái-bình-dương trên cấp bậc Tổng trưởng tại Manila, Tổng thống Phi-luật-tân Ferdinand Marcos tố cáo quân đội Đài-loan, lúc đó đang chiếm đóng ở đảo Thái-bình (Itu Aba, hay Ligaw theo tên Phi-luật-tân), đã đặt những ô trọng pháo để tăng cường sự phòng thủ đảo này và trong một vài trường hợp đã bắn cảnh cáo vào những phi-cơ và tàu của Phi-luật-tân đi trinh sát trong vùng. Ông nói thêm là Hội đồng An ninh Quốc gia Phi-luật-tân trong phiên họp ngày hôm đó đã đồng thanh cho rằng vì những diễn biến nhanh chóng xảy ra trong vùng và vì đảo này ở kề cận lãnh thổ Phi-luật-tân nên việc một nước ngoài chiếm đóng ở đây là một mối đe dọa trầm trọng cho nền an ninh của Phi-luật-tân. Ngoài ra, Tổng thống Marcos còn nhắc lại quan điểm của Phi-luật-tân (đã nói ở phần III bên trên) là quần đảo Trường-sa đang ở trong chế độ giám hộ trên thực tế của các quốc gia đồng minh theo Hòa ước Cựu-kim-son ký với Nhật-bản ngày 8.9.1951. Trong hòa ước này Nhật-bản khước từ mọi quyền, danh nghĩa và đòi hỏi đối với quần đảo này. Vẫn theo lời Marcos, vì quần đảo Trường-sa ở dưới chế độ giám hộ, không nước nào có quyền mang quân đội vào bất cứ hòn đảo nào trong nhóm quần đảo này nếu không có phép và sự thỏa thuận của các quốc gia đồng minh. Sau hết, ông loan báo thêm là vì Đài-loan thiết lập một đồn binh tại đảo Thái-bình không có phép và sự thỏa thuận của các quốc gia đồng minh nên Phi-luật-tân đã yêu cầu Chính phủ Đài-bắc rút quân đội khỏi nơi này.

Lời tuyên bố của Marcos đã gây ra phản ứng tại nhiều quốc gia. Vài ngày sau khi có lời tuyên bố này, các chính phủ Anh và Hoà-lan loan báo hai nước khước từ quyền giám hộ trên quần đảo Trường-sa. Chính phủ Việt-nam Cộng-hòa, qua lời tuyên bố của Tổng trưởng Ngoại giao Trần-văn-Lắm ngày 13.7.1971, tái khẳng định chủ quyền của Việt-nam trên quần đảo Trường-sa mà các dữ kiện lịch sử và pháp lý chứng tỏ là thuộc về Việt-nam, ít nhất là từ thế kỷ thứ 18. Ông cũng nhắc lại lời tuyên bố của cựu Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Ngoại giao Trần-văn-Hữu tại Hòa hội Cựu-kim-son ngày 7.9.1951 (đã nói ở phần II bên trên).

Về phần Đài-loan, Bộ trưởng Ngoại giao Châu Thư-giai đã tuyên bố rằng quần đảo Nam-sa từ thời xa xưa vẫn thuộc về Trung-hoa và quân đội Đài-loan đã chiếm đóng quần đảo này hơn 20 năm qua. Sau đó ông đã hội đàm với Bộ trưởng Ngoại giao Phi-luật-tân Carlos Romulo, nhưng nội dung không được tiết lộ.

Đáng tiếc là Ngoại trưởng Châu Thụ-giai đã không đưa ra một chi tiết hay một thí dụ nào để chứng minh chủ quyền của Trung-quốc đối với quần-đảo này "từ thời xa xưa" và cũng không cho biết là "thời xa xưa" ấy là từ bao giờ. Chúng tôi xin mở một dấu ngoặc ở đây để nói thêm là Đài-loan đã cho leo thang thời gian chủ quyền. Trong lần phản ứng năm 1956 (nói ở phần II bên trên), Đài-loan nói là Trung-quốc có chủ quyền trên hai quần đảo này từ thế kỷ thứ 15, nay lại đổi là từ thời xa xưa. Hơn nữa, ông lại cố tình che dấu tính cách bất hợp pháp của việc Quốc quân Đài-loan chiếm đóng ở đây như chúng tôi đã trình-bày trong phần II bên trên.

Mặt khác, trong vụ này nhà cầm quyền Bắc-kinh đã không chính thức lên tiếng mà chỉ cho phép hãng thông tấn nhà nước là Tân Hoa Xã phổ biến ngày 16.7.1971 một bài mang nhan đề là "Philippine Authorities Openly Violate China's Territorial Sovereignty by Occupying Islands of China's Nansha Islands" (Nhà Cầm Quyền Phi-luật-tân Công Khai Vi Phạm Chủ Quyền Lãnh Thổ của Trung-quốc Bằng Cách Chiếm Đóng Các Đảo Thuộc Quần đảo Nam-sa của Trung-quốc), đề lên án việc chính phủ Phi-luật-tân phái quân tới chiếm đóng vài hòn đảo trong quần đảo Nam-sa, cho "đó là một biến-cố trầm trọng của một sự vi phạm trắng trợn chủ quyền lãnh thổ của Trung-quốc của nhà cầm quyền Phi-luật-tân trong lúc theo đuổi chính sách xâm lược và mưu đồ chiến tranh ở Á-châu của đế quốc Mỹ." Bài này nói là:

"Quần-đảo Nam-sa gồm đảo Thái-bình, đảo Nam-uy, đảo Trung-nghiệp, đảo Mã-hoan và nhiều cù lao khác ở Nam-hải. Những đảo này lúc nào cũng là phần lãnh thổ của Trung-quốc. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa có quyền bất khả tranh nghị và hợp pháp trên những đảo này. Mặc dù quần đảo Nam-sa đã có lần rơi vào tay đế quốc Nhật-bản sau khi nước này phát động trận chiến tranh xâm lăng, khi Nhật-bản đầu hàng Chính phủ Trung-quốc lúc bấy giờ đã thu hồi lại quần đảo này."

Sau khi nhắc lại các lời tuyên bố của Châu Ân-lai ngày 15.8.1951 và của phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Trung-Cộng ngày 29.5.1956 là "tuyệt đối không nước nào được phép vi phạm chủ quyền hợp pháp của Trung-quốc trên quần đảo Nam-sa vì bất cứ lý do nào và dưới bất cứ hình thức nào", bài của Tân Hoa Xã còn cảnh cáo rằng:

"Chính phủ và nhân dân Trung-quốc tuyệt đối không thể nào dung thứ việc chính phủ Phi-luật-tân công khai vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung-quốc. Chính phủ Phi-luật-tân phải ngưng ngay việc vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung-quốc và rút nhân viên ra khỏi quần đảo Nam-sa."

Điểm đáng chú ý là bài này làm ngơ không đề cập đến việc Đài-loan đã chiếm đóng đảo Thái-bình và tuyên bố chủ quyền của Trung-quốc (hiểu là Trung-hoa Dân-quốc, tức Đài-loan) trên quần đảo Trường-sa. Một lần nữa, Trung-Cộng, giống Đài-loan, không đưa ra được bằng chứng nào mà chỉ nói vu vơ là quần đảo Trường-sa thuộc về Trung-quốc thôi.

## **VI. LUẬN CỨ NÊU RA TRONG VỤ ĐỤNG ĐỘ HẢI QUÂN VỚI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA (1974)**

Vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa bước sang một giai đoạn mới và quyết liệt vào tháng giêng năm 1974, đưa đến việc giải quyết bằng vũ lực qua một cuộc đụng độ hải quân công khai và trực tiếp giữa Việt-nam Cộng-hòa và Trung-Cộng tại

quần đảo Hoàng-sa. Vì là một nước rất nhỏ bé, về địa dư cũng như về nhân số, so với Trung-Cộng, vì không được sự giúp đỡ tận tình của các quốc gia tự nhận là đồng minh, vì bị thế giới làm ngơ, và vì kiệt sức trước cuộc chiến tranh trong nước đã kéo dài ngót 30 năm, Việt-nam Cộng-hòa chỉ chống lại Trung-Cộng được có hai ngày, mặc dù hải lực của Trung-Cộng thua kém và lại không có kinh nghiệm chiến đấu nhiều bằng hải lực của Việt-nam Cộng-hòa, để rồi cuối cùng nhìn thấy quần đảo Hoàng-sa rơi vào tay Trung-Cộng mà hậu quả còn kéo dài tới ngày nay.

Biến cố này xảy ra sau khi chính phủ Việt-nam Cộng-hòa đã quyết định sáp nhập quần đảo Trường-sa vào xã Phước-hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước-tuy, ngày 6.9.1973.

Đây không phải là lần đầu tiên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa được sáp nhập vào các đơn vị hành chính nội địa ở Việt-nam. Thực vậy, trong thời Pháp thuộc (1862-1945), ngày 21.12.1933 quần đảo Trường-sa đã được sáp nhập vào địa phận tỉnh Bà-ri-a và ngày 30.3.1938 quần đảo Hoàng-sa được sáp nhập vào tỉnh Thừa-thiên. Từ khi Việt-nam giành được độc lập khỏi tay thực dân Pháp, quần đảo Hoàng-sa được tổ chức thành xã Định-hải, do một phái viên hành chính cai trị và trực thuộc quận Hoà-vang, tỉnh Quảng-nam ngày 13.7.1961, rồi đến ngày 21.10.1969 xã Định-hải (quần đảo Hoàng-sa) sáp nhập vào xã Hòa-long cùng quận Hòa-vang thuộc tỉnh Quảng-nam; còn quần đảo Trường-sa được đặt thuộc tỉnh Phước-tuy (tên mới của tỉnh Bà-ri-a) ngày 22.10.1956. Nghị định ngày 6.9.1973 chỉ đổi quận trực tiếp quản trị quần đảo Trường-sa.

Tuy nhiên, chúng ta nhận thấy là trong các việc sáp nhập hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa trước đây các chính phủ Trung-quốc không hề lên tiếng phản đối gì cả. Chỉ đến lần cuối cùng, năm 1973, thì cả Bắc-kinh lẫn Đài-loan mới có phản ứng.

## **A. Phản Ứng của Trung-Cộng**

### **1. Tuyên Bố Ngày 11.1.1974**

Chúng ta không rõ vì lý do gì mà mãi hơn 4 tháng sau khi có việc sáp nhập quần đảo Trường-sa vào quận Đất Đỏ Bắc-kinh mới có phản ứng. Ngày 11.1.1974 Bộ Ngoại giao Trung-Cộng đã ra một bản tuyên bố, mở đầu như sau:

"Cách đây không lâu, nhà cầm quyền Sài-gòn ở Nam-Việt đã trắng trợn loan báo đặt hơn mười đảo thuộc quần đảo Nam-sa của Trung-quốc, kể cả đảo Nam-uy và đảo Thái-bình, dưới quyền quản trị của tỉnh Phước-tuy ở Nam-Việt. Đây là một sự xâm phạm điển cuồng đến sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung-quốc."

Sau khi nhắc lại lời tuyên bố đã từng được nói tới nhiều lần là "cũng giống như các quần đảo Tây-sa, Trung-sa và Đông-sa, quần đảo Nam-sa luôn luôn là lãnh thổ của Trung-quốc", bản tuyên bố đã tố cáo đây không phải là lần đầu Việt-nam Cộng-hòa đã có hành động như vậy:

"Trong những năm gần đây nhà cầm quyền Sài-gòn đã gia tăng xâm chiếm vài hòn đảo trong quần đảo Nam-sa và Tây-sa, trong nhiều trường hợp đã ồn ào đòi chủ quyền trên hai quần đảo này, ngay cả dựng các 'bia chủ quyền' trên đó. Giờ đây nhà cầm quyền Sài-gòn lại đi thêm bước nữa, công khai sáp nhập hơn mười đảo, kể cả đảo Nam-uy và Thái-bình, vào ranh giới của mình. Hành động này tạo nên một bước mới nhằm nắm vĩnh viễn quần đảo Nam-sa của Trung-quốc."

Đoạn bản tuyên bố nhắc lại lập trường cũ của Trung-Cộng:

"Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa nhắc lại ở đây rằng các quần đảo Nam-sa, Tây-sa, Trung-sa và Đông-sa tất cả đều là phần của lãnh thổ Trung-quốc. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa có chủ quyền bất khả tranh nghị trên những quần đảo này."

Sau cùng, bản tuyên bố đã kết luận bằng cách phủ nhận giá trị hành động của Việt-nam Cộng-hòa.

"Quyết định của nhà cầm quyền Sài-gòn đem sáp nhập đảo Nam-uy, Thái-bình và các đảo khác ở quần đảo Nam-sa vào Nam-Việt là bất hợp pháp và vô hiệu lực. Chính phủ Trung-quốc sẽ không bao giờ dung thứ việc xâm phạm đến sự vẹn toàn lãnh thổ và chủ quyền nào do nhà cầm quyền Sài-gòn gây ra."

Bản tuyên bố ngày 11.1.1974 này vẫn không đưa ra bằng chứng nào để chứng minh hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa thuộc về Trung-quốc. Tuy nhiên, bản tuyên bố đó có mấy điểm đáng cho chúng ta chú ý.

Thứ nhất, không giống các lần tuyên bố trước, lần tuyên bố này có giọng gay gắt hơn ("trắng trợn loan báo", "xâm phạm điên cuồng", "ồn ào đòi chủ quyền") như báo hiệu trước những biện pháp mạnh Trung-Cộng sẽ dùng tới.

Thứ hai, trong những bản tuyên bố trước Trung-Cộng chỉ nói đến việc các nước vi phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung-quốc thôi, lần này Trung-Cộng lại vu cáo rằng Việt-nam Cộng-hòa gia tăng xâm chiếm hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa trong mưu đồ nắm vĩnh viễn hai quần đảo này. Sự vu cáo đó dường như nhằm đánh lạc hướng dư luận quốc tế, qui tội xâm lăng cho Việt-nam Cộng-hòa trước, để cho việc đánh chiếm hai quần đảo này của Trung-Cộng sau này trở nên hợp pháp, nghĩa là muốn chứng minh Trung-Cộng chỉ dùng võ lực để bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền của mình thôi.

Nhận xét trên đã được chứng minh rõ ràng sau ngày 19-20.1.1974. Khi Trung-Cộng cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa, thế giới đã hoàn toàn im lặng, không một nước nào lên tiếng. Ngay cả Liên-hiệp-quốc, một tổ chức quốc tế có bản phận duy trì an ninh thế giới, cũng giữ thái độ im lặng khó hiểu. Ngoài ra, sau biến cố này Việt-nam Cộng-hòa tính đưa nội vụ ra trước Liên-hiệp-quốc và chuẩn bị hồ sơ kiện tại Toà Án Quốc Tế, nhưng một số nước vẫn nhận là đồng minh của Việt-nam Cộng-hòa đã tìm cách ngăn cản để cho Việt-nam Cộng-hòa không thể làm được việc này. Đây là chưa kể vào thời gian xảy ra vụ Trung-Cộng cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa, Đệ Thất Hạm Đội của Hoa-kỳ đang tuần tiễu và hoạt động ở quanh vùng biển Đông, gọi là để bảo vệ Việt-nam Cộng-hòa, cũng không có một phản ứng nào trước hành động của Trung-Cộng. Đúng là một sự toa rập quốc tế!

Thứ ba, từ năm 1956 trở đi, mỗi khi nói đến chủ quyền của Trung-quốc trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa, Trung-Cộng bao giờ cũng dùng từ "chủ quyền bất khả tranh nghị và hợp pháp" hay "chủ quyền hợp pháp". Tuy nhiên trong lần tuyên bố ngày 11.1.1974 này, và cả những lần sau đó như chúng ta sẽ thấy, Trung-Cộng chỉ nói tới "chủ quyền bất khả tranh nghị" hay "chủ quyền bất khả xâm phạm" thôi, chứ không còn dùng từ "hợp pháp" nữa. Có lẽ Trung-Cộng đã yên chí là thế giới đã mắc phải bả của mình rồi nên thấy không cần dùng từ này nữa!

Thứ tư, lần đầu tiên Trung-Cộng đã công khai bộc lộ nguyên nhân thâm kín thúc đẩy việc tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa: đó là nguồn tài nguyên thiên nhiên ở vùng này. Thực vậy, bản tuyên bố ngày 11.1.1974 có câu:

"Các tài nguyên thiên nhiên trong các vùng biển quanh các quần đảo này cũng thuộc về Trung-quốc."

Điểm đáng chú ý ở đây là sự sử dụng chữ của Trung-Cộng. Bản tuyên bố không nói là những tài nguyên thiên nhiên trên các quần đảo này mà lại nói tới "những tài nguyên thiên nhiên trong các vùng biển quanh các quần đảo này" cũng thuộc về Trung-quốc. Như vậy, Trung-Cộng cố đòi cho kỳ được chủ quyền đối với Hoàng-sa và Trường-sa không phải chỉ vì chỗ phân chim, phốt-phát hay các tài nguyên khác tìm thấy trên hai quần đảo mà chính là nhằm vào những túi dầu có ở quanh hai quần đảo đang tranh. Đây mới là động lực chính thúc đẩy Trung-cộng ra tay hành động mạnh.

Tương cũng cần nhắc lại là Trung-Cộng chỉ lên tiếng với các lời lẽ gay gắt hơn và sau này đi đến hình thức tranh chấp cực đoan hơn bằng cách dùng đến võ lực để chiếm quần đảo Hoàng-sa, sau khi mấy công ty dầu ngoại quốc đã ký giao kèo khai thác dầu ở ngoài khơi Việt-nam với chính phủ Việt-nam Cộng-hòa. Giả thử quanh hai quần đảo này không có các túi dầu quan trọng thì chưa chắc Trung-Cộng đã làm gì, có lẽ vẫn giữ nguyên thái độ cũ là chỉ tuyên bố, đe dọa suông như mọi lần, chứ không đánh chiếm quần đảo Hoàng-sa. Vì vậy chúng ta có thể nói mà không sợ bị sai lầm là chính vì các túi dầu của Việt-nam Cộng-hòa mà Trung-Cộng đã ra tay.

## **2. Tuyên Bố Ngày 20.1.1974**

Tuy nhiên bản tuyên bố ngày 11.1.1974 mới chỉ là màn giáo đầu. Tám ngày sau đã xảy ra một cuộc hải chiến hai ngày (19 và 20.1.1974) tại vùng quần đảo Hoàng-sa giữa Việt-nam Cộng-hòa và Trung-Cộng. Điều chúng ta thắc mắc không hiểu là tại sao Trung-Cộng không ra tay chiếm luôn cả hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa hoặc nếu chỉ muốn chiếm một quần đảo thì tại sao không chiếm quần đảo Trường-sa mà lại chọn quần đảo Hoàng-sa. Phải chăng vì quần đảo Hoàng-sa ở gần hải phận Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa (Bắc-Việt) hơn nên các cuộc hành quân của Trung-Cộng không bị trở ngại và còn được Bắc-Việt chống lưng cho hơn là một cuộc hành quân ở quần đảo Trường-sa nằm mãi sâu xuống phía nam và gần hải phận của Việt-nam Cộng-hòa? Hay phải chăng vì ngoài Việt-nam Cộng-hòa ra còn có cả Phi-luật-tân cũng đòi chủ quyền đối với quần đảo Trường-sa (đấy là chưa kể Đài-loan) mà lúc đó Trung-Cộng thấy chưa phải là lúc đối đầu với Phi-luật-tân?

Dù sao thì sau khi có trận hải chiến ở vùng Hoàng-sa ngày 20.1.1974 Bộ Ngoại giao Trung-Cộng đã tung ra một bản tuyên bố khác. Bản tuyên bố này rất quan trọng vì đã đề cập tới một số dữ kiện không hề nói tới trong những bản tuyên bố khác. Chúng ta sẽ lần lượt cứu xét những dữ kiện đó.

Trước hết, theo đường lối vu khống cố hữu của Trung-Cộng, bản tuyên bố ngày 20.1.1974 đã che dấu sự thật và vu cáo là hải quân và không quân Việt-nam Cộng-hòa đã có hành động trước như là: (a) tấn công các ngư thuyền của Trung-Cộng và chiếm hai đảo trong quần đảo Hoàng-sa ngày 15.1.1974; (b) tấn công các đảo khác ngày 19.1.1974; và (c) bắn vào các chiến hạm Trung-Cộng đang đi tuần tiễu. Rồi để biện minh hành động quân sự của mình, nhà cầm quyền Trung-Cộng đã tuyên bố:

"Vi bị đẩy tới quá mức chịu đựng nên các đơn vị hải quân, ngư dân và dân binh của chúng ta [tức là của Trung-Cộng] mới anh dũng chống trả để tự vệ và trừng phạt đích đáng quân địch xâm lăng."

Sau khi vu cáo "nhà cầm quyền Sài-gòn ở Nam-Việt đã từ lâu định xâm chiếm hai quần đảo Tây-sa và Nam-sa của Trung-quốc" và nhắc lại việc Việt-nam Cộng-hòa sáp nhập hơn mười đảo thuộc quần đảo Trường-sa như đã nói tới trong bản tuyên bố ngày 11.1.1974, Bộ Ngoại giao Bắc-kinh đã lên án là Việt-nam Cộng-hòa "giờ đây còn trắng trợn khiêu khích Trung-quốc về quân sự và chiếm lãnh thổ của Trung-quốc bằng võ lực. Đó là điều táo gan đến cùng cực."

Nói cách khác, bản tuyên bố này cố vẽ một Việt-nam Cộng-hòa hiếu chiến, đã có những hành động gây hấn trước và một Trung-Cộng hiếu hòa, chỉ ra tay hành động khi không thể chịu đựng sự khiêu khích và xâm lăng của Việt-nam Cộng-hòa được nữa. Mục đích của lời vu cáo này hiển nhiên là nhằm vào dư luận thế giới nói chung và Hoa-kỳ nói riêng hầu chặn trước không cho một nước nào phản đối việc Trung-Cộng đã vi phạm Hiến chương Liên-hiệp-quốc, mà Trung-Cộng là một hội viên trước đó ba năm, bằng việc cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa. Thực vậy, bản tuyên bố đã nói:

"Đồng thời với việc xâm nhập võ trang vào lãnh thổ Trung-quốc, nhà cầm quyền Sài-gòn lại còn dùng đến chiến thuật 'kẻ có tội đơm đơn kiện trước,' bịa đặt là Trung-quốc 'đột nhiên thách thức' chủ quyền của chúng trên quần đảo Tây-sa nhằm cố gắng làm rối loạn dư luận quần chúng và lại còn khẳng định là Sài-gòn hoàn toàn có chủ quyền trên quần đảo Tây-sa và không một quốc gia nào tham dự Hội nghị Cựu-kim-son năm 1951 lại phản đối việc chúng đòi chủ quyền."

Về điểm này Trung-Cộng đã thành công. Không một nước nào trong Liên-hiệp-quốc lên tiếng cả, kể cả nước đồng minh số 1 của Việt-nam Cộng-hòa là Hoa-kỳ lẫn nước đã từng cai trị Việt-nam mà lúc nào cũng muốn chiếm lại là Pháp.

Tới đây Bộ Ngoại giao Bắc-kinh một lần nữa lại nhắc lại lời tuyên bố cố hữu là: "Nhu mọi người đều biết, quần đảo Tây-sa cũng như các quần đảo Nam-sa, Trung-sa và Đông-sa luôn luôn là lãnh thổ của Trung-quốc." Điểm đáng nói ở đây là sau khi tuyên bố chủ quyền này là "một sự thực bất khả tranh nghị", bản tuyên bố của Bắc-kinh đã gài thêm câu "mọi người Trung-hoa đều chủ trương như vậy."

Câu này nhằm chặn họng trước Trung-hoa Dân-quốc để đề phòng trường hợp chính phủ Quốc-dân Đảng của Tưởng Giới-thạch ở Đài-loan, vì nhu cầu muốn duy trì sự giao hảo với Việt-nam Cộng-hòa vào lúc các quốc gia khác đã dần dần bỏ rơi mình sau khi mất ghế hội viên sáng lập Liên-hiệp-quốc do việc Trung-Cộng được gia nhập Liên-hiệp-quốc năm 1971 và đang được Hoa-kỳ o bế, và vì vốn có cừu hận là bị Trung-Cộng đánh thua ở Hoa-lục đến phải chạy sang Đài-loan nên coi bất cứ việc gì Trung-Cộng làm cũng là trái với quyền lợi của Trung-quốc, quay ra chống đối hành động cưỡng chiếm Hoàng-sa của Trung-Cộng, khiến cho Đài-loan không thể làm gì khác được. Hơn nữa, câu này còn có ý thách thức Đài-loan xem có dám đi ngược lại với quyền lợi của Trung-quốc không.

Về điểm này Trung-Cộng cũng đã thành công. Đài-loan không những đã phụ họa với Trung-Cộng trong việc đòi chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa mà



lại còn phái thêm quân đến chiếm đóng vài hòn đảo thuộc quần đảo Trường-sa của Việt-nam Cộng-hòa để sẵn sàng chống lại khi cần.

Mặt khác, trái với các tuyên bố trước đây chỉ đề cập tới việc quần đảo Hoàng-sa (và cả Trường-sa) bị Nhật-bản chiếm đóng trong thời Thế Chiến thứ II mà Chính phủ Trung-hoa Dân-quốc đã thu hồi lại, lần này bản tuyên bố ngày 20.1.1974 đưa ra một chi tiết tuy không mới lạ đối với Việt-nam nhưng lại mới đối với các người ngoại quốc: đó là việc Pháp chiếm đóng quần đảo Hoàng-sa.

"Mặc dù vài hòn đảo thuộc quần đảo Tây-sa có một thời kỳ trước Thế Chiến thứ II đã bị Pháp chiếm đóng và sau đó đến lượt Nhật-bản, nhưng sau Thế Chiến, quần đảo Tây-sa cũng như các đảo khác trong Nam-hải đã được Chính phủ Trung-quốc lúc bấy giờ chính thức thu hồi."

Chúng ta tự hỏi tại sao Trung-Cộng lần này lại đề cập tới việc Pháp chiếm đóng quần đảo Hoàng-sa? Câu hỏi này thật khó trả lời.

Nếu bảo rằng đó chỉ là để đáp lại lời tuyên bố của Việt-nam Cộng-hòa hai ngày 12.1.1974 và 16.1.1974 trong đó đã nêu việc trong thời gian Việt-nam bị Pháp đô hộ "nhân danh vương quốc Việt-nam Chánh phủ Pháp đã thực hiện việc chiếm cứ chính thức đảo Hoàng-sa" và đặt "quần đảo Hoàng-sa thành đơn vị hành chánh sáp nhập vào tỉnh Thừa-thiên" cùng "thiết lập hai đơn vị hành chánh tại quần đảo Hoàng-sa là đơn vị Croissant và đơn vị Amphytrite" để chứng minh chủ quyền của Việt-nam trên quần đảo, thì lập luận này không đúng.

Tại sao? Đây không phải là lần đầu tiên Việt-nam Cộng-hòa đã đưa ra bằng chứng này. Thực vậy, suốt từ khi có Hòa hội Cựu-kim-sơn năm 1951, và nhất là từ năm 1956, trở đi, Việt-nam Cộng-hòa đã nhiều lần nhắc tới việc Pháp đã nhân danh Việt-nam chiếm hữu hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa để chứng minh chủ quyền của mình. Lại nữa, trong vụ Phi-luật-tân đòi chủ quyền trên quần đảo Trường-sa năm 1971 (đã nói ở phần III bên trên), Xử lý Thường vụ Toà Đại sứ Pháp tại thủ đô Manila của Phi-luật-tân ngày 9.6.1956 đã thông báo cho Bộ Ngoại giao nước này hay về việc Pháp chiếm hữu hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa. Như vậy không phải là Trung-Cộng không biết đến việc Pháp chiếm hữu hai quần đảo.

Câu hỏi là tại sao trong mọi lần trước Trung-Cộng không đã động gì đến sự kiện này mà nay lại nhắc tới? Phải chăng đó là vì Trung-Cộng muốn leo thang việc chứng minh chủ quyền của Trung-quốc trên quần đảo đương tranh có từ trước Thế Chiến thứ II nhưng đã bị Pháp chiếm mất? Không chắc như vậy. Một luận cứ kiểu này không thể nào đánh đổ được luận cứ của Việt-nam Cộng-hòa về tính cách hợp pháp của chủ quyền của Việt-nam Cộng-hòa trên quần đảo này cũng như trên quần đảo Trường-sa, và cũng không thể nào chứng minh được chủ quyền của Trung-Cộng. Và lại, nếu đúng vì mục đích này thì tại sao trong các lần tuyên bố trước nhà cầm quyền Trung-Cộng không hề nêu ra yếu tố Pháp trong việc chiếm đóng Hoàng-sa và Trường-sa, mà chỉ nói tới yếu tố Nhật-bản thôi?

Hay là vì những lần trước Trung-Cộng đã không biết đến yếu tố Pháp này? Càng không đúng nữa. Các tuyên bố của Việt-nam Cộng Hòa về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa từ 1951 đến nay luôn luôn đề cập tới yếu tố này. Chắc chắn Trung-Cộng đã nghiên cứu kỹ lưỡng các tuyên bố của Việt-nam Cộng-hòa. Do đó không có lý do gì để tin được là Trung-Cộng đã không biết đến yếu tố này.

Cũng không thể cho rằng Trung-Cộng đã coi thường yếu tố Pháp này. Không một nhà hoạch định chính sách của một quốc gia nào có thể và có quyền coi thường bất cứ một chi tiết nào, dù là cón con, để có ảnh hưởng tai hại cho quốc gia. Điều này lại càng đúng hơn nữa đối với Cộng sản nói chung và Trung-Cộng nói riêng, vốn có thói quen "cái tóc chẻ tư" trong việc nghiên cứu bất cứ vấn đề nào.

Mặt khác, trong bản tuyên bố ngày 20.1.1974 này Trung-Cộng đã chú trọng đến bản chất và giá trị cái mà họ gọi là sự thu hồi hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa của Chính phủ Trung-quốc sau khi Thế Chiến thứ II chấm dứt (lúc đó là Chính phủ Quốc-dân đảng của Tưởng Giới-thạch). Các bản tuyên bố trước chỉ nói là "Chính phủ Trung-quốc lúc bấy giờ đã thu hồi" hai quần đảo thôi. Lần này bản tuyên bố đi xa hơn bằng cách thêm cụm từ "chính thức" để làm nổi bật giá trị hành vi của Trung-quốc và đồng thời để biện minh sự đòi hỏi chủ quyền của Trung-Cộng.

Hơn nữa, sau khi lập lại lời tuyên bố ngày 15.8.1951 của Châu Ân-lai như mọi lần trước, bản tuyên bố ngày 20.1.1974, để biện hộ cho việc cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa của mình, đã viện dẫn đến chiêu bài là:

"Trung-quốc là một quốc gia xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi không bao giờ chiếm đóng lãnh thổ của nước khác, nhưng chúng tôi cũng sẽ không để cho các nước khác chiếm đóng lãnh thổ của chúng tôi."

Ngoài ra, làm như có sự đồng nhất quan niệm và chính sách của nhà cầm quyền Tử Cẩm Thành và nhân dân Trung-quốc trong mọi việc, bản tuyên bố này còn gài thêm một câu là:

"Để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung-quốc, Chính phủ và nhân dân Trung-quốc có quyền làm mọi hành vi cần thiết để tự vệ."

Trước đây các lãnh tụ Trung-Cộng chỉ nói đến chính phủ không thôi. Từ bản tuyên bố này trở đi nhân dân Trung-quốc được chính quyền Bắc-kinh đoái hoài trong vụ tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Sau hết, bản tuyên bố ngày 20.1.1974 lại một lần nữa đã cố tô vẽ một Việt-nam Cộng-hòa hiếu chiến dám chống đối một lân bang khổng lồ bằng cách đòi "Nhà cầm quyền Sài-gòn phải ngưng ngay lập tức mọi khiêu khích quân sự chống Trung-quốc" với mục đích chứng minh cho thế giới biết rằng chỉ có Trung-Cộng mới hiếu hòa thôi. Bản tuyên bố kết thúc bằng một sự đe dọa quen thuộc: "Nếu không, họ sẽ phải chịu mọi hậu quả do các hoạt động này gây nên."

### **3. Bài Tường Thuật Nội Vụ Trận Hải Chiến Tại Hoàng-sa**

Cùng với bản tuyên bố ngày 20.1.1974 trên, guồng máy tuyên truyền Bắc-kinh đã cho phổ biến một bài tường thuật nội vụ cuộc hải chiến, nhan đề "Saigon Authorities Invade China's Hsisha Islands and Provoke Armed Conflicts".

Bài tường thuật này bổ túc bản tuyên bố nói trên. Nó đã xuyên tạc mọi chi tiết, bóp méo hay thổi phồng các dữ kiện hay sự kiện trong một mục đích chung là tô vẽ hai hình ảnh.

Một hình ảnh là Việt-nam Cộng-hòa hiếu chiến đã "trắng trợn xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung-quốc cùng là điên cuồng khiêu khích nhân dân Trung-hoa", với những hành động nào là "mặt dạn mày dày phái chiến thuyền và phi cơ xâm nhập lãnh hải và lãnh không của Trung-quốc ở chung quanh và phía trên quần đảo

Tây-sa, cưỡng chiếm quần đảo của Trung-quốc và nổ súng bắn vào các ngư dân Trung-quốc đang làm công tác sản-xuất và vào hải hạm Trung-quốc đang đi tuần tiễu theo thường lệ", nào là "khuấy rối và phá hoại ngư thuyền Trung-quốc ... đang làm công tác sản xuất ở gần đảo Cam-tuyền, bắn lên đảo có treo quốc kỳ của nước Cộng-hòa Nhân-dân Trung-hoa và vô lý ép ngư thuyền Trung-quốc phải rời hải vực của mình", nào là "chiếm đảo Cam-tuyền và om sòm hạ quốc kỳ của Trung-quốc ở đó", nào là "đâm vào các ngư thuyền Trung-quốc một cách tàn bạo và vô lý", nào là "tiếp tục gia tăng khiêu khích và không thèm để ý đến những lời cảnh cáo liên tiếp của Trung-quốc", nào là "bắn chết và gây trọng thương cho một số [ngư dân Trung-quốc]", nào là "đội bom san bằng đảo", v.v.

Hình ảnh khác là một Trung-Cộng hiếu hòa, với những hành động như là "đấu tranh chính đáng bằng cách lý luận với họ [tức là quân sĩ Việt-nam Cộng- hòa] và yêu cầu họ rời khỏi lãnh thổ của Trung-quốc", rồi chỉ chống trả lại khi "bị dồn ép đến quá mức chịu đựng" và "đề tự vệ".

Bài tường thuật còn nhắc lại lời vu cáo là "Nhà cầm quyền Sài-gòn ở Nam-Việt đã từ lâu nuôi ý đồ thôn tính các hòn đảo của Trung-quốc ở Nam-hải và đã chiếm đóng một cách bất hợp pháp một vài hòn đảo thuộc quần đảo Nam-sa và Tây-sa của Trung-quốc" và bản tuyên bố ngày 11.1.1974 của phát ngôn viên bộ Ngoại-giao Trung-Cộng đã "nghiêm khắc lên án sự xâm lấn vô luân của nhà cầm quyền Sài-gòn vào sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung-quốc và tái khẳng định là Trung-quốc có chủ quyền bất khả tranh nghị trên các quần đảo Nam-sa, Tây-sa, Trung-sa và Đông-sa." Tuy nhiên, bài tường thuật tiếp, "dù chính phủ Trung-quốc đã liên tiếp cảnh cáo, chúng [tức là Việt-nam Cộng-hòa] vẫn phái quân lực tới lấn chiếm lãnh thổ Trung-quốc và gây chiến ... khiến cho nhân dân Trung-quốc hết sức phẫn nộ." Bài tường thuật kết thúc bằng câu đe dọa "Nếu nhà cầm quyền Sài-gòn nhất quyết cố ý hành động như vậy, không chịu ngưng ngay việc lấn chiếm lãnh thổ của Trung-quốc thì nhất định chúng sẽ phải ăn trái đắng của chính chúng."

#### **4. Tuyên Bố Ngày 4.2.1974**

Đề đề phòng mọi bất trắc có thể xảy ra, ngày 1.2.1974 Chính phủ Việt-nam Cộng Hòa đã phái một đội đặc nhiệm hải quân tới tăng viện phòng thủ năm đảo thuộc quần đảo Trường-sa và dựng bia chủ quyền tại đây. Vì thế, ngày 4.2.1974, Bộ Ngoại giao Trung-Cộng lại ra một bản tuyên bố tố cáo hành động này, coi là "một sự xâm lấn điên cuồng đến sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung-quốc và một khiêu khích quân sự mới chống lại nhân dân Trung-quốc" do đó "Chính phủ và nhân dân Trung-quốc cực lực lên án và phản đối [hành động này]."

Hơn nữa, bản tuyên bố còn nói rằng:

"Chính phủ Trung-quốc đã nhiều lần tuyên bố là các quần đảo Nam-sa, Tây-sa, Trung-sa và Đông-sa tất cả đều là phần lãnh thổ của Trung-quốc và nước Cộng-hòa Nhân-dân Trung-hoa có chủ quyền bất khả tranh nghị đối với các quần đảo này và các hải khu chung quanh các quần đảo đó."

Đoạn bản tuyên bố kết thúc bằng lời tuyên bố cố hữu là:

"Chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung-hoa nhất quyết không để cho nhà cầm quyền Sài-gòn xâm lấn vào sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Trung-quốc vì bất

cứ lý do gì. Lập trường này của Chính phủ Trung-quốc cương quyết không thể lay chuyển được."

Tuy bản tuyên bố vẫn mang những vu cáo quen thuộc và những luận điệu cũ rích nhưng nó cũng có một điểm mới đáng nói. Đó là nó đã nói rộng phạm vi tranh chấp chủ quyền.

Trong những lần tuyên bố trước, Trung-Cộng chỉ nói rằng các quần đảo Tây-sa, Nam-sa, Trung-sa và Đông-sa là phần lãnh thổ của Trung-quốc mà Trung-quốc có chủ quyền bất khả tranh nghị (có khi lại nói là chủ quyền bất khả xâm phạm) không thôi. Lần này, bản tuyên bố ngày 4.2.1974 còn nói rộng thêm ra và cho rằng cả các hải khu chung quanh các quần đảo đó cũng thuộc chủ quyền của Trung-quốc.

Như đã nói ở một đoạn bên trên, lý do sự tranh chấp chủ quyền trên các quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa (và cả Trung-sa lẫn Đông-sa nữa) là các túi dầu ở đây. Lý do này một lần nữa được Trung-Cộng để lộ cho thấy, dù chỉ là gián tiếp, trong bản tuyên-bố ngày 4.2.1974 này, khi Bắc-kinh còn đòi thêm cả chủ quyền ở các vùng biển chung quanh các quần đảo, nơi gần đây người ta tìm thấy có những túi dầu quan trọng.

## **B. Phản Ứng của Đài-loan**

Về phần Đài-loan, chính phủ của Tưởng Giới-thạch đã nhiều lần lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa trong thời gian có trận hải chiến ngày 19-20.1.1974. Trong số những tuyên bố này, có hai tuyên bố đáng cho chúng ta xét ở đây.

### **1. Tuyên Bố của Bộ Ngoại Giao Đài-bắc Ngày 7.2.1974**

Ba tuần sau khi xảy ra trận hải chiến giữa Việt-nam Cộng-hòa và Trung-Cộng tại quần đảo Hoàng-sa, ngày 7.2.1974 Bộ Ngoại giao Đài-bắc mới ra một tuyên bố chính thức như sau:

"Gần đây Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa tuyên bố chủ quyền trên quần đảo Nam-sa (Spratly). Đối với lời tuyên bố này, Chính-phủ Trung-hoa Dân-quốc đã cực lực phản kháng với Chính phủ Việt-nam và tái khẳng định lập trường là quần đảo này là phần lãnh thổ cố hữu của Trung-hoa Dân-quốc và không ai có thể nghi ngờ chủ quyền của Trung-hoa Dân-quốc đối với quần đảo này.

"Quần đảo này đã bị Nhật-bản chiếm đóng trong trận Thế Chiến thứ II và được qui hoàn Trung-hoa Dân-quốc khi, sau chiến tranh, vào tháng 12 năm 1946, Chính phủ Trung-hoa đã phái một hải đội tới thu hồi khỏi tay Nhật bản. Từ đó trú quân thường trực Trung-hoa đã tới đóng nơi đây. Hơn nữa, ngày 1.12.1947, Chính phủ Trung-hoa Dân-quốc đã loan báo cùng thế giới tên tiêu chuẩn của các hòn đảo, cù lao, ám tiêu, thiển than trong quần đảo.

"Những đảo này, tạo thành phần hoàn chỉnh lãnh thổ Trung-quốc, là một sự thực bất khả tranh nghị. Chính phủ Trung-hoa Dân-quốc vì vậy cương quyết tái khẳng định chủ quyền của Trung-quốc trên quần đảo Nam-sa. Lập trường này không thể bị bất cứ nước nào thay đổi bằng bất cứ biện pháp nào."

Về tuyên bố của Bộ Ngoại Giao Đài-bắc chúng ta có mấy nhận xét sau:

Thứ nhất, bản tuyên bố đã đề cập tới việc hải quân Trung-quốc tới thu hồi quần đảo Trường-sa khỏi tay Nhật-bản vào tháng 12 năm 1946 và từ đó có quân trú đóng tại đây.

Trong phần II bên trên chúng tôi đã trình bày tính cách bất hợp pháp của sự tiếp thu quần đảo Trường-sa do hải quân Trung-hoa Dân-quốc thực hiện nên không cần nhắc lại ở đây. Vì hành vi tiếp thu Trường-sa bất hợp pháp nên luận cứ này của Đài-loan không có giá trị nữa.

Thứ hai, ngày 1.12.1947 Chính phủ Đài-loan đã thông tri cho thế giới hay việc đặt tên tiêu chuẩn cho các hòn đảo, cù lao, ám tiêu, thiển than trong quần đảo Trường-sa. Vấn đề đặt ra là việc đặt tên đó có phải là yếu tố cần thiết không có không được để chứng minh quần đảo Trường-sa thuộc Trung-quốc hay không.

Đứng về phương diện thực tế, việc đặt tên cho một vật gì chẳng qua chỉ là để cho người khác hiểu được người nói muốn ám chỉ, đề cập tới vật đó thôi. Nó không có tính cách bắt buộc. Đứng về mặt pháp lý cũng vậy, việc một người hay một quốc gia đặt tên cho một vật gì không có nghĩa là vật đó đương nhiên thuộc quyền sở hữu hay thuộc chủ quyền của người hay quốc gia đặt tên cho nó. Nếu không thì bất cứ một người hay quốc gia nào cũng có thể đặt tên cho một vật rồi chiếm ngay lấy vật đó làm vật sở thuộc của mình. Giả thử nếu Việt nam đặt một tên tiêu chuẩn cho đảo Đài-loan rồi tuyên bố cùng thế giới hay rằng Đài-loan thuộc chủ quyền của Việt-nam thì Đài-loan sẽ nghĩ sao? Nếu Hoa-kỳ, Nga, Anh, Pháp, v.v., mỗi nước cũng đặt cho Đài-loan một tên rồi bảo nó thuộc chủ quyền của mình, như vậy có được không?

Vì lý do này, luận cứ thứ 2 của Đài-loan không đứng vững và không có giá trị.

Thứ ba, căn cứ vào hai sự kiện nêu trên (tiếp thu và đặt tên), Đài-loan tuyên bố rằng quần đảo Trường-sa là một phần lãnh thổ của Trung-hoa Dân-quốc và sự thực này bất khả tranh nghị.

Chúng ta thấy điều tuyên bố này không có gì mới lạ. Nó chỉ là nhắc lại những lời tuyên bố của Trung-Cộng từ trước tới nay. Cũng giống trường hợp các tuyên bố của Trung-Cộng, nó thiếu sót các chứng liệu để chứng tỏ rằng chủ quyền của Trung-quốc đối với hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa là bất khả tranh nghị.

Sự thiếu sót này làm cho luận cứ của Đài-loan, cũng như của Trung-Cộng, không có giá trị về thực tế cũng như về pháp lý.

## **2. Tuyên Bố của Tướng Kinh-quốc Ngày 24.2.1974**

Mười bảy ngày sau khi Bộ Ngoại giao Đài-bắc ra bản tuyên bố nói trên, Tướng Kinh-quốc, con trai của Tướng Giới-thạch và lúc đó đang giữ chức Hành-chính viện Viện trưởng tức Thủ tướng Chính phủ Đài-loan, trong một cuộc phỏng vấn dành cho ký giả Roy Rowan của tạp chí Time ngày 24.2.1974 tại Đài-bắc cũng đã đề cập tới vấn đề Hoàng-sa và Trường-sa như sau:

“HỎI: Xin Thủ tướng cho rõ quan điểm của ngài về vụ tranh chấp đối với hai nhóm quần đảo Paracel và Spratly. Liệu quý quốc có phòng vệ đội trú quân đóng ở quần đảo Spratly của quý quốc khi bị tấn công không?

“ĐÁP: Chúng ta cần phải duyệt lại lịch sử các quần đảo này. Cách đây nhiều năm, Chính phủ chúng tôi đã duy trì một lực lượng tại quần đảo Paracel. Lực lượng này chỉ là một phần của hệ thống phòng thủ đảo Hải-nam. Việc chúng tôi rút các lực lượng đó đi không có nghĩa là chúng tôi từ bỏ chủ quyền của chúng tôi trên quần đảo Paracel. Việc

này chẳng qua cũng giống như việc chúng tôi từ bỏ chủ quyền của chúng tôi trên đảo Hải-nam. Quần đảo Spratly được qui hoàn Trung-hoa Dân-quốc đồng thời với việc quang phục Đài-loan khỏi tay Nhật-bản. Từ nhiều năm rồi binh sĩ của chúng tôi đã trú đóng ở trên hòn đảo chính của nhóm Spratly. Chúng tôi cương quyết làm những gì có thể được để phòng vệ quần đảo này. Tôi thấy cần phải nói rõ là quân đội của chúng tôi có bốn phân phòng vệ lãnh thổ ủy thác cho họ.

“HỎI: Liệu có thể có việc Trung-Cộng tấn công nhóm Spratly không?”

“ĐÁP: Vì Cộng sản có thể tính toán lầm nên chúng tôi không thể gạt bỏ việc đó được.”

Có bốn điểm đáng nói trong các câu trả lời của Tưởng Kinh-quốc:

Thứ nhất, Tưởng Kinh-quốc làm như hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa đương nhiên thuộc về Trung-quốc rồi nên không đưa ra một bằng chứng nào để chứng minh chủ quyền thuộc về Trung-quốc. Cũng vì thế tuy ông ta nói là "Chúng ta cần phải duyệt lại lịch sử các quần-đảo này", nhưng nói xong bỏ đấy, ông không đề cập tới lịch sử ấy mà chỉ nói về sự từ bỏ chủ quyền trên Hoàng-sa và việc thu hồi cùng bảo vệ Trường-sa. Do đó, những ai muốn tìm hiểu xem vì lý do nào và căn cứ vào đâu mà Đài-loan nhận có chủ quyền trên hai quần đảo này không cách nào biết được.

Thứ hai, việc Trung-hoa Dân-quốc duy trì một lực lượng tại quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa mà Tưởng Kinh-quốc nói ở đây chính là việc mà Bành Phẩm-quang tường thuật trong một bài báo chúng ta đã xem qua trong phần II. Chỉ có một chi tiết mới là theo họ Tưởng, lực lượng trú đóng ở Hoàng-sa là một phần của hệ thống phòng thủ đảo Hải-nam của Trung-quốc (hiểu là Trung-hoa Dân-quốc, tức Đài-loan, chứ không phải Cộng-hòa Nhân-dân Trung-hoa hay Trung-Cộng).

Thứ ba, cũng vì lý do này, theo Tưởng Kinh-quốc, việc Đài-loan từ bỏ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng-sa cho Trung-Cộng cũng giống việc từ bỏ chủ quyền đối với đảo Hải-nam (Tưởng Kinh-quốc có ý nói đến việc Trung-hoa Dân-quốc, hay, nói cho đúng hơn, Quốc-dân đảng Trung-quốc, đã bị Đảng Cộng-sản Trung-quốc đánh bại năm 1949 phải bỏ Hoa-lục, kể cả đảo Hải-nam, chạy sang Đài-loan). Nó không có nghĩa là Đài-loan từ bỏ chủ quyền trên quần đảo này. Nói một cách khác, Tưởng Kinh-quốc có ý nói là dù cho quần đảo Hoàng-sa có rơi vào tay Trung-Cộng thì nó vẫn còn thuộc chủ quyền của Trung-quốc, chứ không phải là của nước khác, không đi đến đâu mà thiệt.

Thứ tư, tuy đề cập tới việc quần đảo Trường-sa qui hoàn Trung-hoa Dân-quốc và việc phòng thủ Trường-sa, nhưng ông không đưa thêm chi tiết gì mới lạ. Có lẽ ông không biết, hay biết mà lờ không nói, đến tính cách bất hợp pháp của cái mà ông gọi là "qui hoàn" này.

## **VII. CÁC TUYÊN BỐ CỦA TRUNG-QUỐC TỪ SAU TRẬN HẢI CHIẾN THÁNG 1/1974**

Sau khi quần đảo Hoàng-sa rơi vào tay Trung-Cộng tháng 1/1974, các chính phủ Trung-quốc, cả Cộng-sản lẫn Quốc-dân đảng, mỗi khi có dịp vẫn tiếp tục lên tiếng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa. Tuy nhiên, với thời gian, các tuyên bố của chính phủ đó ngày một thưa dần, nhường chỗ cho các tư nhân lên tiếng thay

thể. Tất cả những tuyên bố này đều nhắc lại hầu như là nguyên văn các tuyên bố chúng ta đã xét trên đây, không có gì khác biệt hay mới lạ. Trong phần này chúng tôi chỉ nêu ra phải thí dụ điển hình thôi.

### **A. Tuyên Bố Ngày 30.3.1974**

Cuối tháng 3 năm 1974, trong khóa họp thứ 30 của Hội Nghị của Ủy Hội Kinh Tế Á-châu Viễn-đông (hay Á-Viễn Kinh Ủy Hội) thuộc Liên-hiệp-quốc nhóm tại Colombo (thủ đô nước Tích-lan), khi phái đoàn Việt-nam Cộng-hòa lên án vụ Trung-Cộng cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam, đại biểu Trung-Cộng là Chi-Lung (chúng tôi không rõ âm Hán-Việt của tên này) ngày 30.3.1974 đã lên tiếng.

Chi-Lung bác bỏ lập luận của phái đoàn Việt-nam Cộng Hòa mà ông gọi là "chủ trương vô liêm sỉ" và tái xác định lập trường của Trung-Cộng về chủ quyền bất khả tranh nghị của Trung-quốc đối với hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa cùng là các hải khu quanh đó. Ông nói thêm là điều 4 chương trình nghị sự của khóa họp hiện tại đã ghi hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa là các khu đảo cận hải của nhà cầm quyền Sài-gòn ở Nam-Việt và còn ghi thêm là "đã có kế ước thám sát và phát triển khoảng 30 khu [như vậy] ở Nam-hải." Đoạn Chi-Lung tuyên bố:

"Quần đảo Tây-sa và quần đảo Nam-sa ở Nam-hải vốn dĩ là một phần bất khả phân của lãnh thổ Trung-quốc. Nước Cộng-hòa Nhân-dân Trung-hoa có chủ quyền bất khả tranh nghị trên những quần đảo này cũng như là các hải khu quanh đó. Mặt khác, vào ngày 15.8.1951, trong một Tuyên bố về Dự Thảo Hòa Ước với Nhật-bản của Anh, Mỹ và Hội nghị Cựu-kim-son, Bộ trưởng Ngoại giao Châu Ân-lai đã long trọng tuyên bố là 'cũng như các quần đảo Nam-sa, Trung-sa và Đông-sa, quần đảo Tây-sa và đảo Nam-uy lúc nào cũng là lãnh thổ của Trung-quốc. Mặc dù những đảo này đã có lúc bị Nhật-bản chiếm đóng một thời gian trong trận chiến tranh xâm lăng của đế quốc chủ nghĩa Nhật-bản, sau khi Nhật-bản đầu hàng, Chính phủ Trung-quốc đã thu hồi những quần đảo này.' Từ đó trở đi Chính phủ Trung-quốc đã nhiều lần nhắc lại lập trường này.

"Việc văn phòng hội nghị ghi trong tài liệu nói trên rằng quần đảo Tây-sa và Nam-sa của Trung-quốc là các đảo cận hải của chính quyền Sài-gòn ở Nam-Việt là một việc sai lầm. Phái đoàn Trung-quốc yêu cầu văn phòng áp dụng mọi biện pháp để sửa lại lỗi lầm này để sau này không tái diễn việc tương tự nữa."

Trước lời phản đối kịch liệt của đại biểu Việt-nam Cộng-hòa, mà Trung-Cộng gọi là "gào" đòi "chủ quyền" trên quần đảo Hoàng-sa và "khả ố tấn-công Trung-quốc", Chi-Lung lại lên tiếng cho rằng hành động của Việt-nam Cộng-hòa chỉ cốt để "che đậy sự xâm lăng của mình một cách lão luyện". Ông nói thêm rằng "Nhà cầm quyền Sài-gòn từ lâu đã muốn chiếm quần đảo Tây-sa và quần đảo Nam-sa của Trung-quốc" bằng cách "chẳng những là đã sáp nhập vào lãnh thổ của chúng hơn mười đảo của Trung-quốc, kể cả đảo Nam-uy và đảo Thái-bình thuộc nhóm quần đảo Nam-sa, mà lại còn công khai khiêu khích võ trang chống Trung-quốc và chiếm lãnh thổ của Trung-quốc bằng võ lực", một việc Chi-Lung coi là "hết sức mặt dạn mày dày". Đoạn ông ta "tái khẳng định chủ quyền bất khả tranh nghị của Trung-quốc đối với những quần đảo này và những hải khu chung quanh đó" và kết luận là "Chính phủ Trung-quốc sẽ không bao giờ để cho nhà cầm

quyền Sài-gòn xâm lấn chủ quyền lãnh thổ của Trung-quốc bằng bất cứ lý do gì" cũng như là "Lập trường này của Chính phủ Trung-quốc cương quyết và bất di bất dịch."

Ngoài những lời lẽ thô bỉ và kém lễ độ không xứng đáng với tư cách đại diện quốc gia tại hội nghị quốc tế ("chủ trương vô liêm xỉ", "gào đòi chủ quyền", "khả ố tấn công", "hết sức mặt dạn mày dày", v.v.), lời tuyên bố của Chi-Lung chẳng qua chỉ là nhai đi nhai lại những luận cứ cũ rích của Trung-Cộng và không mang thêm một chi tiết mới lạ nào cả.

Tiền đây chúng ta cũng nên biết thêm là kể từ khi xảy ra trận hải chiến tháng 1/1974 và sau vụ cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa, các tuyên bố của chính phủ Trung-Cộng về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa, cũng như về bất cứ vấn đề gì khác có liên quan tới Việt-nam Cộng-hòa, đã càng ngày càng dùng nhiều lời lẽ thô bỉ đối với Việt-nam Cộng-hòa. Sở dĩ nhà cầm quyền Tử-cầm Thành phải dùng đến thái độ này có lẽ là vì họ biết rằng họ bị đui lý không thể tranh luận một cách đứng đắn với Việt-nam Cộng-hòa về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa nên đành phải dùng đến hình thức này, một hình thức Trung-Cộng tỏ ra rất điêu luyện.

### **B. Tham Luận Ngày 2.7.1974**

Ngoài ra, tại Hội nghị Liên-hiệp-quốc về Luật Biển kỳ 2 nhóm tại Caracas, thủ đô nước Venezuela, từ 20.6 đến 29.8.1974, trong một bài tham luận đọc trước hội nghị ngày 2.7.1974, trưởng phái đoàn Trung-Cộng tham dự hội nghị là Thứ trưởng Ngoại thương Sài Thụ-phiên đã bác bỏ những lời tố cáo của phái đoàn Việt-nam Cộng-hòa về việc Trung-Cộng cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa và khẳng định là:

"Quần đảo Tây-sa và Nam-sa ở Nam-hải xưa nay vẫn là một phần lãnh thổ không thể chia cắt của Trung-quốc, quyết không cho phép nhà cầm quyền Sài-gòn vì bất cứ cơ nào xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung-quốc."

Giống như các tuyên bố khác của Trung-Cộng, tham luận của họ Sài không nêu ra một bằng chứng nào để cho hội nghị thấy rõ chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa quả thực thuộc về Trung-quốc. Lời khẳng định của họ Sài không có gì đáng chúng ta chú ý, ngoại trừ cụm từ "xưa nay" được gài thêm mà trong các tuyên bố trước đây không có. Từ này được thêm có lẽ vì từ vụ hải chiến tháng 1 năm 1974 Việt-nam Cộng-hòa đã đưa ra nhiều bằng chứng lịch sử và pháp lý để chứng minh chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa thực sự thuộc về Việt-nam từ mấy thế kỷ rồi, nên Trung-Cộng phải thêm từ "xưa nay" hầu để chứng minh chủ quyền của Trung-quốc cũng có từ lâu. Tuy nhiên, bài tham luận của họ Sài, cũng như tất cả những bản tuyên bố khác của Trung-Cộng, vẫn chỉ nói mập mờ như vậy thôi, chứ không hề nêu ra được một thí dụ điển hình nào cả.

### **C. Các Tuyên Bố Trong Năm 1979**

Mặt khác, từ sau khi Đảng Cộng-sản Việt-nam chiếm được Nam-Việt (30.4.1975) thì bang giao Việt-Hoa, vốn không mấy tốt đẹp từ thập niên 1960 trở đi, dù vẫn được các nhà cầm quyền Bắc-kinh ví như quan hệ giữa môi và răng, môi hở răng lạnh, đã trở nên suy sụp nhanh quá mức, biến thành bang giao giữa hai quốc gia thù nghịch. Ngoài vụ



Việt-nam đuổi các Hoa kiều cư trú hay thổ sinh ra khỏi nước Việt-nam đưa đến việc Trung-Cộng xua quân vượt biên giới đánh mấy tỉnh ở miền bắc, việc tranh chấp về chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa cũng leo thang. Trong năm 1979 có ít nhất là 8 lần vấn đề này được nêu ra. Quan trọng nhất có ba lần.

### **1. Tuyên Bố của Ngoại Trưởng Trung-Cộng Ngày 16.3.1979**

Trong một buổi họp báo ở Bắc-kinh ngày 16.3.1979, Ngoại trưởng Trung-Cộng Hoàng-Hoa đã có mấy lời tuyên bố hết sức phi lý, không thể chấp nhận được.

Thực vậy, khi nói về vấn đề tranh chấp biên giới Việt-Hoa, Hoàng-Hoa đã nhìn nhận với các ký giả ngoại quốc là có thể có nhiều điều đáng nghi ngờ về vấn đề sở hữu "vài chục cây số vuông" dọc biên giới Hoa-Việt được qui định trong hiệp ước giữa triều đình Mãn-Thanh và nhà cầm quyền đô hộ Pháp ký vào cuối thế kỷ thứ 19(8).

Câu nói của họ Hoàng phải hiểu là vì ngu dốt không biết gì về lịch sử, địa lý và chính trị Việt-nam (điều này có thể có được, nhưng khó tin) hoặc vì để lấy lòng nhà cầm quyền Mãn-Thanh hầu thu hoạch được lợi lớn hơn (có lẽ là nguyên nhân chính), Pháp cuối thế kỷ thứ 19 đã trao vài chục cây số vuông lãnh thổ của Việt-nam cho Trung-quốc. Cái phi lý và trơ trẽn của Hoàng-Hoa là ông ta đã tiêu biểu cho thái độ Trung-quốc khinh thị các nước nhỏ bé. Đành rằng con số vài chục cây số vuông lãnh thổ của một quốc gia quả có nhỏ bé thực, nhất là so với một nước có lãnh thổ bao la như Trung-quốc, nhưng nó vẫn là trọng đại đối với Việt-nam (như được diễn tả qua câu ca dao "bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu").

Đáng lý ra Hoàng-Hoa, với chức vụ bộ trưởng ngoại giao của mình, nghĩa là đại diện cho Trung-quốc về phương diện ngoại giao cũng như bang giao quốc tế, (a) phải thẳng thắn tuyên bố nhìn nhận chủ quyền của Việt-nam đối với vài chục cây số vuông đó; (b) phải tỏ ra là Trung-quốc hối tiếc về sự lầm lẫn này đã làm tổn hại rất lâu cho một quốc gia vốn có mấy ngàn năm bang giao với Trung-quốc và quan hệ Việt-Hoa đó, như trên đã nói, vẫn được Trung-quốc coi rất mật thiết giống như quan hệ giữa răng và môi; và (c) phải đưa ra những đề nghị để giải quyết vấn đề, dù chỉ là đề nghị sơ khởi và trên lý thuyết. Đành này họ Hoàng chỉ nói khơi khơi rằng đó không phải là một điểm tranh chấp quan trọng. Nói cách khác, tuy nhìn nhận sự sai lầm, Trung-Cộng vẫn cứ chiếm giữ phần đất đó một cách bất hợp pháp như thường và bất chấp dư luận quốc tế.

Mặt khác, về vấn đề Hoàng-sa và Trường-sa, Hoàng-Hoa còn nói thêm rằng vào thời kỳ có hiệp ước nói trên Trung-quốc không thể cùng Pháp ấn định ranh giới miền lãnh hải và vì thế không thể nào có sự nghi ngờ về quyền sở hữu của Trung-quốc trên hai quần đảo Tây-sa và Nam-sa vì đã có rất nhiều chứng cứ lịch sử chứng minh.

Điều đáng tiếc là Hoàng-Hoa đã không cho biết vì những lý do nào vào cuối thế kỷ thứ 19 Trung-quốc không thể ấn định ranh giới miền lãnh hải với Pháp được. Mặc dù chúng ta có thể suy luận ra được các nguyên nhân, nhưng ở đây chúng ta không cần nói đến vì không phải là mục đích của bài này. Điểm chúng ta cần nhấn mạnh là sự biện hộ rất phi lý của Hoàng-Hoa.

Chúng ta không thể nào viện cớ vì không thể ấn định ranh giới lãnh hải của một quốc gia để bảo quốc gia đó có quyền sở hữu một phần lãnh thổ nào đó. Nếu biện luận theo kiểu họ Hoàng thì chúng ta cũng có thể nói được rằng vì không thể ấn định ranh giới được nên không thể có sự nghi ngờ nào về quyền sở hữu của nước Việt-nam ở ngay chính đại lục Trung-hoa, trên một dải đất chạy từ hồ Động-đình (thuộc tỉnh Hồ-nam ngày

nay) ở phía bắc và từ tỉnh Tứ-xuyên ở phía tây xuống tới phần lãnh thổ Việt-nam hiện tại vì đã có nhiều chứng cứ lịch sử chứng minh. Các nhà lãnh đạo Bắc-kinh nói chung và Hoàng-Hoa nói riêng nghĩ sao về lập luận này? Trung-quốc có chịu nhìn nhận chủ quyền của Việt-nam đó không? Hơn nữa, nói theo kiểu Hoàng-Hoa thì Trung-quốc phải nhìn nhận chủ quyền của Việt-nam trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa mới đúng vì đã có rất nhiều chứng cứ lịch sử chứng minh chủ quyền này. Các chứng cứ đó Việt-nam Cộng-hòa đã viện dẫn minh bạch rất nhiều lần và ai muốn cũng có thể kiểm chứng được, chứ không chỉ nói mù mờ như Hoàng-Hoa và các nhà lãnh đạo khác của Trung-Cộng đã làm.

Sau hết, cũng cần nói thêm là trong buổi họp báo này Hoàng-Hoa còn nói thêm là chính Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm 1958 đã nhìn nhận chủ quyền của Trung-Cộng nhưng vào mùa hè năm 1977 Thủ tướng Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa Phạm-văn-Đông đã phủ nhận sự nhìn nhận ấy.

## **2. Giác Thư của Phó Thủ Tướng Trung-Cộng Ngày 23.3.1979**

Một tuần sau buổi họp báo của Hoàng-Hoa, tờ Nhân Dân Nhật Báo, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng-sản Trung-quốc ở Bắc-kinh, đã đăng tải nguyên văn bức giác thư của Phó Thủ tướng Trung-Cộng Lý Tiên-niệm gửi Thủ tướng Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa Phạm-văn-Đông ngày 10.6.1977 trong đó có ghi rõ bối cảnh các vụ tranh chấp biên giới giữa Trung-quốc và Việt-nam theo quan điểm của Trung-Cộng. Một trong những điểm nêu ra trong bức giác thư này có liên quan đến vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Theo bức giác thư, ngày 15.6.1956 một Thứ trưởng Ngoại giao Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa đã chính thức nói với Trung-Cộng rằng "đúng về quan điểm lịch sử" thì hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa "là lãnh thổ của Trung-quốc". Hơn nữa, trong các văn thư ngoại giao và tuyên cáo ngày 14.9.1958 và 9.5.1965 chính phủ Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa cũng đã nhìn nhận chủ quyền của Trung-quốc trên hai quần đảo này.

Qua hai chi tiết này chúng ta biết thêm được rằng một luận cứ khác của Bắc-kinh đối với vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa là chính phủ Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa cũng đã nhìn nhận chủ quyền đó thuộc Trung-quốc. Có điều đáng tiếc là bức giác thư này không nói rõ tên của viên thứ trưởng ngoại giao Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa đã nhìn nhận chủ quyền của Trung-quốc và ông ta đã tuyên bố như vậy trong trường hợp nào, ở đâu, ngày nào, với ai, và nguyên văn lời tuyên bố đó ra sao. Hơn nữa vì bức văn thư ngoại giao và tuyên cáo ngày 14.9.1958 và 9.5.1965 của Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa không hề được công bố nên chúng ta không thể kiểm chứng những điều bức giác thư nêu ra xem có đúng sự thực không hay đã bị bóp méo, sửa đổi cho hợp với lập luận hay mục đích của Trung-Cộng, một việc dễ xảy ra và thường xảy ra.

Tuy nhiên, dù bức giác thư có trích dẫn đúng đắn các lời tuyên bố của Hà-nội, chúng ta thấy việc nhìn nhận của Hà-nội không phản ánh quan điểm thực và lâu dài của nhà cầm quyền Hà-nội, mà chỉ là nhìn nhận có tính cách giai đoạn thôi. Thực vậy, vẫn theo bức giác thư, Phạm-văn-Đông đã có lần giải thích là những lời tuyên cáo ủng hộ chủ quyền của Trung-quốc đối với Hoàng-sa và Trường-sa này được đưa ra chẳng qua là vì trong thời gian kháng chiến "lẽ dĩ nhiên là chúng tôi phải đặt việc chống đế quốc chủ

nghĩa Hoa-kỳ lên trên mọi việc khác." Về giải thích này, Lý Tiên-niệm đã đáp lại là các vấn đề chủ quyền lãnh thổ cần phải được cứu xét một cách nghiêm túc.

Ngoài ra, Lý Tiên-niệm còn cho biết là sự thay đổi lập trường của Hà-nội đã xảy ra vào năm 1974 và 1975 khi Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa đã "lợi dụng cơ hội giải phóng miền nam Việt-nam để xâm chiếm sáu đảo trong nhóm quần đảo Nam-sa của Trung-quốc." Cũng cần nói thêm ở đây là bức giác thư còn nói là thái độ của Nga-sô về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Nam-sa và Tây-sa cũng đã thay đổi vào năm 1975.

### **3. Phản Đề Nghị của Trung-Cộng Ngày 26.4.1979**

Để trả lời một đề nghị của Hà-nội nhằm giải quyết cuộc tranh chấp về chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa ngày 26.4.1979, Thứ trưởng Ngoại giao Trung-Cộng Hàn Niệm-long đã đưa ra phản đề nghị của Bắc-kinh. Bắc-kinh đề nghị là trong khi chờ đợi một cuộc dàn xếp về vấn đề biên giới trên căn bản Hòa ước Pháp-Hoa(9), hai nước Việt-nam và Trung-quốc nên tôn trọng ranh giới đã được đôi bên đồng lòng thỏa thuận năm 1957 là lãnh hải nên được hoạch định một cách công bằng và hợp lý theo các nguyên tắc hiện tại của luật quốc tế và Việt-nam phải "quay trở lại lập trường trước".

Ở đây chúng ta không cần nói tới đề nghị dàn xếp vấn đề biên giới Việt-Hoa trên căn bản Hoà ước Pháp-Hoa, vì không phải là trọng tâm của bài này, mà chỉ bàn về vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa. Về điểm này, chúng ta nhận thấy có sự mâu thuẫn và phi lý trong luận cứ của Trung-Cộng. Trung-Cộng đã một mặt chủ trương giải quyết vấn đề ranh giới lãnh hải, hay nói cách khác là chủ quyền lãnh hải, một cách công bằng và hợp lý theo các nguyên tắc hiện tại của luật quốc tế, nhưng mặt khác lại đòi Việt-nam phải quay trở lại lập trường trước, tức là phải công nhận chủ quyền của Trung-Cộng trên hai quần đảo đang tranh Hoàng-sa và Trường-sa.

Một trong những nguyên tắc căn bản và sơ đẳng của việc giải quyết một tranh chấp, một mâu thuẫn hay một xung đột nào, dù là ở trên lãnh vực quốc gia hay trong lãnh vực quốc tế, là hai bên tranh chấp phải giữ nguyên hiện trạng vào lúc đưa việc tranh chấp, mâu thuẫn hay xung đột ra giải quyết. Đối tượng của sự giải quyết ở đây là sự bất đồng, nó là nguyên nhân hay nguyên động lực của sự tranh chấp, mâu thuẫn hay xung đột. Nếu một bên đương tranh bị bắt buộc phải công nhận trước quan điểm hay đòi hỏi của đối phương trước khi cuộc tranh chấp, mâu thuẫn hay xung đột được mang ra giải quyết thì sự giải quyết không còn đối tượng nữa. Nếu có giải quyết thì chẳng qua chỉ là làm một việc thừa. Hơn nữa, giải quyết theo kiểu này thì đâu còn công bằng và hợp lý nữa?

Sở dĩ Trung-Cộng đòi hỏi một cách phi lý và mâu thuẫn như vậy có lẽ là vì biết rằng nếu áp dụng một cách đúng đắn, công bằng và hợp lý các nguyên tắc của luật quốc tế đối với vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa thì Trung-Cộng sẽ bị thua do lẽ Trung-Cộng, và cả Đài-loan nữa, không thể nào chứng minh một cách đúng đắn, thành thực và phi chính trị được là chủ quyền đó thuộc về Trung-quốc. Đây là chưa kể một nguyên nhân khác là Trung-Cộng biết rằng khi đó (năm 1979) Việt-nam, vốn bị cô lập trên trường quốc tế, vẫn cần đến sự giúp đỡ và chống lưng của Trung-Cộng nên dù đòi hỏi của Trung-Cộng có phi lý và mâu thuẫn thế nào đi chăng nữa, Việt-nam cũng sẽ bắt buộc phải chịu theo.

### **4. Tuyên Bố Tháng 9/1983**

Vào dịp tam tam cá nguyệt 1983, trong một buổi họp báo hàng tuần tại Bắc-kinh, phát ngôn viên bộ Ngoại giao Trung-Cộng là Qi Huaiyuan (chúng tôi không rõ âm Hán-Việt của tên này) đã cho hay là gần đây có quân lính ngoại quốc chiếm đóng bất hợp pháp ám tiêu Danwan(10) và một vài quốc gia đã liên tiếp đòi chủ quyền lãnh thổ trên một vài hòn đảo và ám tiêu thuộc nhóm quần đảo Nam-sa. Vì vậy, ông nhắc lại lập trường cố hữu của Trung-Cộng là chủ quyền của Trung-quốc trên quần đảo Nam-sa ở Nam-hải không thể để cho bất cứ nước nào vi phạm, vì bất cứ lý do gì hay bằng bất cứ cách nào. Đoạn ông nói thêm là:

"Bộ Ngoại giao nước Cộng-hòa Nhân-dân Trung-hoa nhắc lại là Trung-quốc có chủ quyền bất khả tranh nghị trên quần đảo Nam-sa cùng các hải khu lân cận, và các tài nguyên thiên nhiên ở những vùng này thuộc về Trung-quốc."

Tuy lời tuyên bố trên không có gì mới lạ, nhưng chúng ta thấy Trung-Cộng đã càng ngày càng để lộ rõ lý do Trung-quốc cố đòi chủ quyền trên quần đảo Trường-sa, cũng như quần đảo Hoàng-sa: đó là kho tài nguyên thiên nhiên, hay nói cho đúng hơn là những túi dầu, ở vùng này. Vì vậy, trong lần tuyên bố này, Trung-Cộng đã nhấn mạnh bằng cách thêm câu "các tài nguyên thiên nhiên ở những vùng này thuộc về Trung quốc" sau khi nói về chủ quyền bất khả tranh nghị của Trung-quốc trên quần đảo và những hải khu lân cận. Hơn nữa, trong khi những tuyên bố trước chỉ nói đến tính cách bất hợp pháp của việc bất cứ quốc gia nào khác chiếm đóng hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa thôi, lần này Qi Huaiyuan còn nói đến tính cách bất hợp pháp và không thể chấp nhận của sự khai thác các tài nguyên thiên nhiên ở đây cùng những hoạt động khác nữa.

"Việc bất cứ một quốc gia nào khác chiếm đóng bất cứ một hòn đảo nào trong quần đảo Nam-sa và khai thác cũng như các hoạt động khác ở những vùng này là việc làm bất hợp pháp và không thể chấp nhận được."

## VIII. KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu các lời tuyên bố của hai chính phủ Bắc-kinh và Đài-bắc liên quan đến vấn đề chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa từ năm 1951 đến nay, chúng ta nhận thấy rằng cả hai chính phủ này có luận cứ vu vơ, mơ hồ và võ đoán. Họ chỉ nói đi nói lại nhiều lần là Trung-quốc có chủ quyền bất khả tranh nghị hay chủ quyền hợp pháp và chủ quyền đó có từ xa xưa lắm rồi, nhưng lại không đưa ra được một bằng chứng cụ thể nào, căn cứ vào các tiêu chuẩn lịch sử, địa lý hay luật quốc tế, để chứng minh là chủ quyền đó thuộc về Trung-quốc. Vì vậy những luận cứ đó hoàn toàn không có khả năng thuyết phục, dù là đối với những người dễ tính nhất.

Cái lầm lớn nhất của cả Bắc-kinh lẫn Đài-bắc là cứ làm như chủ quyền đó là vấn đề đương nhiên, không cần biện minh. Sở dĩ chúng tôi bảo là sai lầm là bởi vì khi có sự tranh chấp về một quyền nào đối với vật nào, các phe đương tranh ít nhất cũng phải đưa ra các bằng chứng cần thiết để chứng minh quyền sở hữu của mình đối với vật tranh chấp ngõ hầu có thể thuyết phục những người ngoại cuộc. Việc không chứng minh quyền sở hữu này có thể khiến cho người ngoại cuộc nghĩ rằng sự thực thì phe không đưa ra bằng chứng không hề có quyền sở hữu, mà hành động đòi chủ quyền chỉ là vì do lòng tham muốn chiếm đoạt vật của người khác.

Ngoài ra, cả Bắc-kinh lẫn Đài-bắc đã có hành vi bất hợp pháp là cố tình coi việc giải giới quân đội Nhật-bản đóng ở hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa năm 1946 là Trung-quốc đã thu hồi hai quần đảo này để rồi vin vào đó tuyên bố chủ quyền của Trung-quốc trên hai quần đảo, mặc dù các quốc gia đồng minh trong trận Thế Chiến thứ II chỉ quyết định giải giới quân đội Nhật-bản đóng ở đây thôi chứ không hề quyết định qui hoàn hai quần đảo này cho Trung-quốc. Ngay cả trong Hòa ước Cựu-kim-sơn năm 1951 Nhật-bản cũng không hề tuyên bố hay nhìn nhận qui hoàn Hoàng-sa và Trường-sa cho Trung-quốc.

Lý do kể trên rất dễ hiểu: các nước đồng minh trong Thế Chiến thứ II cũng như Nhật-bản đều biết rằng hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa không phải là phần lãnh thổ của Trung-quốc. Hành vi bất hợp pháp này có hậu quả rất tai hại là nhiều người ngoại quốc không nghiên cứu kỹ và chỉ dựa vào các tuyên bố của Bắc-kinh hay Đài-loan đã mặc nhiên nhìn nhận chủ quyền của Trung-quốc trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa. Các tài liệu do người ngoại quốc viết về vấn đề này đã cho thấy rõ hậu quả tai hại đó. Rất hiếm, nếu không thể nói quả quyết được là không có, tài liệu do người ngoại quốc biên soạn hay viết đã tham chiếu các tài liệu của Việt-nam chứng minh chủ quyền đối với Hoàng-sa và Trường-sa thực sự thuộc về Việt-nam, mà chỉ tham chiếu tài liệu của Trung-quốc, cả quốc gia lẫn cộng sản, thôi.

Ngay cả việc giải giới do Quốc quân Trung-hoa thực hiện năm 1946 cũng là hành vi không hợp pháp nốt. Một mặt, qua hiệp ước ký với Pháp ngày 28.2.1946 chính phủ Trung-hoa Dân-quốc đã chuyển nhượng việc giải giới quân đội Nhật-bản ở bắc vĩ tuyến thứ 16 cho Pháp nhưng mặt khác cuối năm 1946 lại cho quân đến giải giới quân đội Nhật-bản chẳng những là ở Hoàng-sa mà còn ở cả Trường-sa nữa, để sau này vin vào hành động đó cả hai chính phủ Bắc-kinh và Đài-bắc ngang nhiên coi là Trung-quốc đã tiếp thu và có chủ quyền trên hai quần đảo này. Như vậy, nếu áp dụng riêng luật quốc tế theo yêu sách của Trung-Cộng không thôi chúng ta thấy là Trung-quốc cũng không có tư cách pháp định làm chủ hai quần đảo đang tranh Hoàng-sa và Trường-sa.

Nói tóm lại, luận cứ của hai chính phủ Trung-Cộng và Đài-loan không có khả năng thuyết phục được ai về chủ quyền của Trung-quốc trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa vì đã không đưa ra được một bằng chứng nào mà chỉ dựa vào hành vi bất hợp pháp.

## **Luật gia Tạ Quốc Tuấn**

### **Chú Thích**

(1) R. Serene, "Petite Histoire des Paracels," đăng trong Sud-Est Asiatique, Bruxelles, số 19, th. 1/1951, tr. 38.

(2) Mới đầu là Winston Churchill, sau là Clement Attlee khi đảng Bảo thủ Anh thất cử.

(3) Xem bài "Review of International Situation" đăng trong President Chiang Kai-shek's Selected Speeches and Messages in 1955, do China Publishing Co., ấn hành ở Đài-bắc năm 1956, tr. 22 (viết tắt: Review). Đông-tam tỉnh nói ở đây là từ người Trung-quốc

dùng trong thời gian Kháng Nhật Chiến Tranh (1937-1945), gồm ba tỉnh đông-bắc bộ Trung-quốc Liêu-ninh, Cát-lâm và Hắc-long-giang.

(4) Ch'en T'i-ch'iang, "Taiwan -- A Chinese Territory," đăng trong Law in the Service of Peace: International Association of Democratic Lawyers' Review, số 5, 1956, tr. 42.

(5) Đăng trong báo Quốc Tế Vấn Đề Nghiên Cứu, số 2, 1959, tr. 7-17 và bản dịch Anh ngữ in trong sách Oppose the New U.S. Plots to Create "Two Chinas", nxb. Ngoại văn, Bắc-kinh, 1962, tr. 85-97.

(6) Review, tr. 22-23.

(7) Nhân Dân Nhật Báo, Bắc-kinh, ng. 8.2.1953, tr. 4.

(8) Đó là Trung-Pháp Hòa Ước ký tại Thiên-tân ngày 11.5.1884, sau được ung chuẩn bằng một hòa ước khác ký ngày 9.6.1885.

(9) Hàn Niệm-long không nói rõ hòa ước nào. Có lẽ là hòa ước 1884 (Xem chú thích 69 bên trên).

(10) Tên Việt-ngữ là Đá Hoa-lau và tên Anh ngữ Swallow Reef.